



BỘ TƯ PHÁP

Chính phủ Việt Nam - Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
Government of Viet Nam - United Nations Development Programme
“Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”
“Strengthening Access to Justice and protection of Rights in Vietnam”



Empowered lives.
Resilient nations.

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU
SO SÁNH VỀ PHÂN CÔNG VÀ THỰC HIỆN 1 SỐ
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG
LĨNH VỰC TƯ PHÁP TẠI CÁC NƯỚC CANADA,
PHÁP VÀ TRUNG QUỐC**

Hà Nội, 12/ 2012

**Cơ quan đầu mối thực hiện:
Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp**

BÁO CÁO SO SÁNH BỘ TƯ PHÁP CÁC NƯỚC CANADA, PHÁP VÀ TRUNG QUỐC

I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG TƯ PHÁP MỖI NƯỚC

1.1 Bộ Tư pháp Canada

1.1.1 Lịch sử phát triển¹

Bộ tư pháp Canada được thành lập theo một đạo luật của nghị viện Canada², được thông qua ngày 22 tháng 05 năm 1868, chưa đầy một năm sau ngày lập quốc. Giữa khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 1867 (ngày lập quốc) đến ngày 22 tháng 5 năm 1868, Thủ tướng chính phủ đầu tiên của Canada vốn là một trong hai Tổng Trưởng lý của bang Canada trước đó tiếp tục giữ vị trí Tổng Trưởng lý của liên bang mới, vì vậy tránh được sự gián đoạn trong việc xử lý những vấn đề pháp lý cho quốc gia mới được thành lập.

Vào thời điểm đó của Liên Bang, Canada có hai Bộ pháp luật Hoàng gia (**Crown Law Departments**), một cho Tây Canada (giờ là Ontario), một cho đông Canada (giờ là Quebec). Tại Liên Bang, Bộ Pháp luật Hoàng gia (Tây Canada) bắt đầu hoạt động như Bộ Tư Pháp, báo cáo Thủ tướng chính phủ, người đồng thời là Bộ trưởng Tư pháp và Tổng Trưởng lý. Bộ Pháp luật Hoàng gia (Đông Canada) đã trở thành Bộ mới của dân quân.

Luật về Bộ Tư pháp (1868) đã chính thức thừa nhận cơ cấu không chính thức đã được vận hành trước đó. Luật này cũng đặt ra vai trò khác biệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chương lý kết hợp trong cùng một người: Bộ trưởng là một cố vấn chính trị cho Hoàng gia, trong khi Tổng Chương lý cung cấp dịch vụ pháp lý. Năm 1878, Chính phủ tự do trong ngày giới thiệu pháp luật để tách riêng hai chức năng, nhưng dự luật đã không được thông qua³.

Bộ Tư pháp mới chỉ có bảy nhân viên: hai luật sư tranh tụng (gồm Thứ trưởng), thư ký tốc ký, một thư ký sao chép, một thư ký theo Bộ trưởng Bộ Tư pháp, và hai người đưa tin. Mười bốn năm sau (1892), chỉ có 14 nhân viên (tất cả là nam giới) tạo nên toàn bộ nhân viên thường trực của Bộ.⁴

Nhánh pháp luật của Bộ vẫn còn tương đối nhỏ trong nhiều năm. Vào cuối năm 1939, Bộ chỉ thuê được có bảy luật sư. Nữ luật sư đầu tiên của Bộ, Henrietta Bourque, được thuê vào năm 1939, nhưng Bộ vẫn chủ yếu là nam giới. Trong 25 năm từ năm 1939 và 1964, chỉ

¹ Ở Canada, ở cấp độ liên bang và ở Bang Quebec, chúng tôi sử dụng từ Department thay cho ministry. Mặt khác, ở Bang Ontario, từ ministry được ưa chuộng hơn từ department.

² Luật tôn trọng Bộ Tư pháp, 31 Vict., c. 39.

³ Jonathan Swainger, Bộ Tư pháp Canada và sự hình thành Liên bang 1867-78, Báo UBC, Vancouver-Toronto, 2000, trang 5.

⁴ Sự ra đời của Luật hình sự: Sự phát triển của Hệ thống Tư pháp của Canada, chỉnh sửa bởi Desmond H. Brown, Báo đại học Toronto, 1995, p. 22.

có năm nữ luật sư được thuê bởi Bộ. Số lượng không nhiều luật sư làm việc tại Bộ giải thích lý do tại sao các Thứ trưởng trước đó yêu cầu phải ký từng mẫu thư ra khỏi Bộ, bao gồm cả ý kiến pháp lý. Họ cảm thấy thứ trưởng phải biết tất cả mọi thứ đang diễn ra tại Bộ “để đảm bảo không có gì cần phải gây chú ý của Bộ trưởng”⁵.

Năm 1952, Nhánh pháp luật của Bộ đã phát triển đến hơn 20 luật sư và yêu cầu một cơ cấu chính thống hơn. Kết quả là việc lập ra sáu bộ phận: tổ tụng dân sự, Pháp luật hình sự, Tư vấn, Pháp chế, Hợp tác và Luật dân sự. Mỗi bộ phận đã được lãnh đạo bởi một Giám đốc, ngoại trừ Phòng Pháp chế được lãnh đạo bởi một Luật sư của Quốc hội. Đến năm 1962, nhân viên của chi nhánh pháp luật tổng cộng có hơn 80 người, trong đó 42 là luật sư. Tuy nhiên, có một số lượng đáng kể các luật sư tư vấn làm việc trong nhiều Bộ khác nhau thực hiện dịch vụ công không phải là nhân viên của Bộ Tư pháp. Mặc dù Luật về Bộ Tư pháp đã trao trách nhiệm cho Bộ đối với tất cả các vụ kiện tụng bảo vệ hoặc chống lại chính phủ, nhiều cơ quan chính phủ vẫn thuê luật sư riêng để cung cấp tư vấn pháp lý cho mình. Năm 1962, như sẽ được bàn luận sau trong báo cáo này, những luật sư của các bộ này đã được đưa vào một dịch vụ pháp lý chung. Mặc dù rất nhiều luật sư vẫn làm việc chặt chẽ với các cơ quan chính phủ khác trong các đơn vị dịch vụ pháp lý, hiện nay tất cả bọn họ làm việc cho Bộ Tư pháp.

Mặc dù nhiệm vụ của Bộ thay đổi không đáng kể từ năm 1868 đến giữa những năm sáu mươi⁶, biên chế và nhu cầu của Bộ được mở rộng. Bộ, hiện có 17 văn phòng khu vực và tiểu khu vực, đã mở văn phòng đầu tiên khu vực ở Montreal vào năm 1965, tiếp theo là Toronto vào năm 1966, Vancouver vào năm 1967, Winnipeg vào năm 1969, Halifax vào năm 1970, mở thêm ở Edmonton, Saskatoon, và vùng lãnh thổ Tây Bắc vào những năm 1970, v.v.

Hiện nay Bộ sử dụng gần 4.800 người⁷, trong nhiều lĩnh vực, trong các văn phòng trên khắp đất nước⁸.

1.1.2 Bộ Tư pháp trong Bộ máy Nhà nước Canada

Nữ hoàng Elizabeth II, nữ hoàng của nước Anh, cũng đồng thời là nữ hoàng của Canada là người đứng đầu quốc gia và là người đứng đầu nhánh hành pháp của Chính phủ

⁵ Richard Pound, *Chief Justice W.R. Jackett – By the Law of the Land*, Báo của Đại học McGill-Queen, Montreal-Kingston-London-Ithaca, 1999, trang. 53; lỗi làm việc này chỉ bắt đầu giảm bớt vào khoảng năm 1950 với sự tăng lên của số lượng công việc và biên chế của Bộ (xem trang 54 và 76)

⁶ J. Ll. J. Edwards, Trách nhiệm của bộ trưởng đối với an ninh quốc gia liên quan đến văn phòng Thủ tướng Chính phủ, Tổng Trưởng lý và Trưởng cố vấn của Canada, Ottawa, Nhà in Queen, 1980, trang 27 (trích dẫn của Bộ trưởng Tư pháp)

⁷ Khoảng một nửa nhân viên của Bộ là luật sư. Bộ Tư pháp sử dụng nhiều chuyên gia khác, bao gồm paralegal, các nhà khoa học xã hội, các nhà quản lý chương trình, chuyên gia truyền thông, quản trị nhân sự, chuyên gia dịch vụ máy tính và nhân viên tài chính (xem *Tổ chức Bộ Tư pháp*, website Bộ Tư pháp Canada (www.justice.gc.ca))

⁸ Mục 1.1 của Báo cáo này dựa trên *Lịch sử của Bộ Tư pháp*, website của Bộ Tư pháp Canada (www.justice.gc.ca), và một vài tài liệu khác với tựa đề tương tự

Canada⁹. Nữ hoàng cũng là một trong ba bộ phận cấu thành của Quốc hội Canada¹⁰, hai bộ phận còn lại là thượng nghị viện (với các thành viên được chỉ định bởi cơ quan hành pháp) và Hạ nghị viện (thành viên được bầu).

Nữ hoàng được đại diện ở Canada bởi Tổng thủ hiến (governor general) ở cấp liên bang, và bởi các Thống đốc ở các bang. Nữ hoàng được tư vấn bởi một Hội đồng (Hội đồng cơ mật của Nữ hoàng tại Canada)¹¹, chỉ là một bộ phận trong đó (bộ phận "tích cực") hoạt động đầy đủ dưới cái tên (tức là Nội các: Thủ tướng Chính phủ và các bộ trưởng của mình). Quyền và trách nhiệm của Nữ hoàng hoặc Tổng thủ hiến chủ yếu là tượng trưng: "trên hầu như tất cả các vấn đề Tổng thủ hiến không hành động theo phán quyết của riêng mình hoặc bằng trách nhiệm của mình mà dựa trên tư vấn của Hội đồng¹²". Đối với tất cả ý nghĩa và mục đích, nội các là cơ quan điều hành "thực sự", và nhân vật chính trị quan trọng nhất ở Canada là Thủ tướng Chính phủ, người mà vị trí trong bộ máy Nhà nước thậm chí không đề cập đến trong Hiến pháp¹³.

Cơ quan hành pháp (một thực thể chính trị) được hỗ trợ bởi cơ quan công quyền phi chính trị. Cơ quan công quyền của Canada bao gồm một số lượng lớn nhân viên của Nhà nước, những người làm việc tại một trong các cơ quan chính phủ¹⁴, tất cả đều được tạo ra theo các luật của Quốc hội. Các cơ quan của liên bang tạo thành bộ máy hành chính cho phép nhánh hành pháp thực hiện vai trò của mình¹⁵. Mỗi Bộ được lãnh đạo bởi một bộ trưởng (người lãnh đạo chính trị), người đặt ra những mục tiêu của Bộ và "thực hiện giám sát chung về công tác của Bộ¹⁶". Trách nhiệm của bộ trưởng thường được quy định trong Đạo luật của Quốc hội thành lập ra Bộ mình, nhưng một số trách nhiệm mới có thể được thêm vào danh mục của Bộ hoặc một số trách nhiệm có thể được chuyển giao cho Bộ trưởng khác. Mục 2 *Luật Sắp xếp lại cơ quan công quyền và Chuyển giao Nhiệm vụ*¹⁷ quy định cho Người lãnh đạo Hội đồng (Nội các) "có thể chuyển bất kỳ quyền hạn, nhiệm vụ hoặc chức năng hoặc việc kiểm soát, giám sát đối với bất kỳ phần nào của hoạt động quản lý công của chính quyền liên bang từ bộ trưởng này sang bộ trưởng khác, hoặc từ một Bộ này, hoặc một phần của hoạt động quản lý công liên bang sang Bộ khác".

⁹ Hiến pháp 1867, lưu ý 1 supra, Điều.9

¹⁰ Như trên, Điều 17

¹¹ Như trên, Điều 11

¹² R. MacGregor Dawson, Chính phủ Canada, Phiên bản thứ 4 (chỉnh sửa bởi Norman Ward), Báo của Đại học Toronto, 1963, trang 63

¹³ Canada có Hiến pháp thành văn, nhưng cũng có những quy ước hiến pháp không thành văn

¹⁴ *Op. cit.*, note 19 supra, p. 255.

¹⁵ Báo cáo của Hội đồng hoàng gia về tổ chức chính phủ, Ottawa, Nhà in Queen, 1962-1963, quyền 5, trang 31, (bản tiếng Pháp)

¹⁶ *Op. cit.*, note 19 supra, p. 217.

¹⁷ R.S.C., 1985, c. P-34

Ngay dưới bộ trưởng là thứ trưởng, "công chức đứng đầu của tổ chức Bộ và không bị ảnh hưởng khi có xáo trộn trong Nội các, hoặc thay đổi trong Chính phủ dẫn đến Bộ trưởng nhường đường cho người kế nhiệm mình"¹⁸. Các Bộ trưởng là những thành viên được bầu của Quốc Hội. Thành viên Nội các (các bộ trưởng) có ghế trong Quốc hội và có trách nhiệm ở tất cả các lần họp trước Hạ nghị viện"¹⁹, đây là chìa khóa để kiểm soát quyền hành pháp ở Canada. Trong Hạ nghị viện, mỗi Bộ trưởng là người phát ngôn viên cho Bộ của mình. Cấp phó của người đứng đầu một bộ, thứ trưởng đảm nhiệm việc quản lý và hoạt động hàng ngày của bộ. Hầu hết các cán bộ, công chức, viên chức "tận hưởng một vị trí cố định, ít bị ảnh hưởng bởi những thay đổi thường xuyên của cấp trên chính trị của họ, và do đó họ có thể tiếp tục công việc, có được kinh nghiệm và kiến thức chuyên ngành nhằm tạo lập khuôn khổ cho việc quản lý tốt được xây dựng."²⁰

Trong số các bộ, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm cho tất cả các vấn đề pháp lý và do đó tư vấn cho chính phủ của Canada trên tất cả các vấn đề pháp lý.

(Chính quyền bang về cơ bản hoạt động theo mô hình tương tự.)

1.2 Bộ Tư pháp Cộng hoà Pháp

1.2.1 Lịch sử phát triển

Nền tảng tổ chức tư pháp của Pháp hiện hành bắt nguồn từ cuộc Cách mạng Pháp. Vào thời điểm đó, nước Pháp đã thực sự thay đổi từ một nền tư pháp thần quyền hoặc vương quyền sang một nền tư pháp dân chủ, đại diện cho người dân Pháp.

Cách mạng Pháp đã nhận thấy được những sai lầm của nền tư pháp hoàng gia dưới Chế độ Cũ (Ancien Régime²¹) nên đã nỗ lực cải thiện tổ chức tư pháp và quy chế hành nghề của cả thẩm phán và công tố viên.

"Một nền tư pháp đáng trân trọng, về bản chất, không thể mua, không thể bán ... mà đến từ người dân và vì dân". Đây chính là nền tảng ý tưởng mà Jules Michelete muốn cuộc cách mạng hướng tới.

Đạo luật 04/08/1789 đã hủy bỏ đặc quyền về quyền tài phán, giải tán Tòa án Lãnh chúa và Pháp viện Tối cao, nơi thực sự chống lại quyền lập pháp. Tuy nhiên, những nguyên tắc cơ bản của nền tư pháp Pháp phải chờ đến một năm sau mới được thể chế hóa bằng Đạo luật 16-24/08/1790. Đạo luật này đã lập nên một số nền tảng quan trọng:

- Tách biệt hai thủ tục tố tụng: tòa tư pháp và tòa hành chính
- Nền tư pháp tự do và bình đẳng

¹⁸ *Op. cit.*, note 19 *supra*, p. 260.

¹⁹ *Như trên.*, Trang 79.

²⁰ *Như trên*, trang 255 and 256.

²¹ Ancien Régime (tạm dịch là Chế độ Cũ) là một hệ thống tôn giáo, chính trị, xã hội mang tính phong kiến tồn tại ở nước Pháp từ thế kỉ thứ 15 đến Cách mạng Pháp 1789 (ND)

- Quyền khiếu nại, kháng cáo
- Việc xét xử bằng bồi thẩm đoàn cho các vụ án hình sự
- Chuyên nghiệp hóa thẩm phán và công tố viên
- Đưa ra ý tưởng phạm vi của tòa án phù hợp với khu vực hành chính

Sự tách biệt tòa án tư pháp và tòa án hành chính được coi là có tính cách mạng trong việc xây dựng một hệ thống mà thẩm phán không bị ảnh hưởng bởi đời sống chính trị và lập pháp. Điều này đối lập hoàn toàn với những gì đã diễn ra trong “Chế độ Cũ” của Pháp viện tối cao²².

Về cơ bản, những chức năng mà mọi người mong chờ các thẩm phán thực hiện chỉ là áp dụng và giải thích pháp luật. Nhưng trên hết, những nhà cách mạng đã ngăn cấm tòa án tư pháp có bất kỳ sự kiểm soát nào đối với vụ án hành chính. Từ đó dẫn đến sự hình thành hai thủ tục tố tụng riêng biệt: tòa hành chính giải quyết vụ việc giữa người dân và cơ quan hành chính, còn tòa tư pháp giải quyết những mâu thuẫn giữa những người dân và xử lý những người vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, đến tận năm 1872, thủ tục tố tụng hành chính với thẩm phán độc lập mới được hình thành. Trước đó, các vụ kiện giữa người dân và chính quyền được giải quyết bằng con đường hành chính, nơi mà cơ quan hành pháp vừa là thẩm phán vừa là bị đơn. Cùng thời gian này, tổ chức tòa tư pháp phức tạp và không công bằng dưới Chế độ Cũ được hợp thức hóa chỉ với một hệ thống đơn nhất được chia thành tòa dân sự và tòa hình sự.

Tương tự như vậy, văn phòng “Chancelier de France”²³, tiền thân của Bộ Tư pháp đã được thành lập bằng Nghị định 27/22/1790. Nghị định 25/04-25/05/1791 đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tư pháp như sau:

- Giữ Quốc huy: đóng dấu quốc huy cho các luật, điều ước, lệnh của nhà vua, các giấy phép, giấy bổ nhiệm và giấy chứng nhận của nhà nước.
- Thực thi các quy định của pháp luật liên quan đến các nghị định của các cơ quan lập pháp do hoàng gia thông qua; Công bố và niêm yết pháp luật.
- Chịu trách nhiệm kết nối giữa tòa án và các Ủy ban của nhà vua
- Giám sát các thẩm phán

²² Luật Tổ chức tư pháp 16-24/08/1790 đã quy định cụ thể : «Tòa án không được trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào việc thực hiện quyền lập pháp, cũng như không được ngăn cản việc thực hiện các đạo luật của nhánh lập pháp bằng việc đe dọa xử phạt » (Điều 10) và « Chức năng tư pháp luôn được tách biệt với chức năng hành pháp. Thẩm phán không được (...) những nhiều cơ quan hành pháp hành chính dưới bất kỳ hình thức nào (Điều 13)

²³ Chancelier de France là một vị trí quan trọng trong Chế độ Cũ tại Pháp, phụ trách vấn đề pháp luật của chính phủ. Sau này, Chancelier được sử dụng như một biệt danh để gọi Bộ Tư pháp của Pháp.

- Đề trình cơ quan lập pháp các câu hỏi liên quan đến thủ tục tố tụng tư pháp và yêu cầu giải thích pháp luật
- Truyền tải các tài liệu, giấy tờ cùng các kiến nghị trong các Ủy ban của nhà vua tới Hội đồng Giám đốc thẩm
- Cung cấp báo cáo hàng năm liên quan đến hoạt động tư pháp gửi đến cơ quan lập pháp

Bộ sớm phân chia quanh 2 nhánh là dân sự và hình sự.

Theo Lệnh 31/10/1830, việc quản lý dấu Quốc huy, vốn thuộc sự quản lý của Ủy ban Quốc huy, được chuyển sang Bộ Tư pháp với sự hình thành Vụ Quốc huy nằm trong Ủy ban Dân sự. Ngày nay, Bộ trưởng Bộ tư pháp vẫn được gọi là “Người giữ Con dấu” và ông giữ con dấu trong văn phòng của mình như con dấu chính thức của chế độ Cộng hoà kể từ năm 1848.

Cùng với sự phân chia này, một hệ thống bao gồm 1 tổng thư kí, 1 thư kí riêng và các văn phòng kế toán và cán bộ được thành lập; các chức danh này được sáp nhập vào bộ phận kế toán và cán bộ theo Nghị định ngày 9 tháng 6 năm 1909.

Vào thời Đế chế Thứ hai, Văn phòng Hồ sơ Tội phạm Trung ương đã được thành lập. Thông tư 06/11/1850 yêu cầu một sổ đăng kí hồ sơ tội phạm tại các toà án dân sự của mỗi quận/huyện. Trong khi đó, Hồ sơ Đăng kí Tội phạm Trung ương dành cho những người nước ngoài hoặc không rõ nơi sinh bị kết án được thành lập tại Bộ. (Thông tư 30/08/1856).

Đầu thế kỷ 20 được đánh dấu bởi việc chuyển Vụ Dịch vụ Nhà tù từ Bộ Nội vụ sang cho Bộ Tư pháp (Đạo luật Ngân sách 13/07/1911). Năm 1945 (chính thức ngày 02/02), Tiểu vụ Kiểm soát giáo dục được thành lập trong Vụ Dịch vụ Nhà tù. Khi Nghị định 21/02/1990 ra đời, Tiểu vụ này chuyển thành Vụ Tư pháp về Bảo hộ Trẻ vị thành niên.

Việc tái cơ cấu toàn bộ Bộ Tư pháp được thể hiện trong Nghị định 25/07/1964. Việc tái cơ cấu này hướng tới 3 tác động:

- Thứ nhất, việc tái cơ cấu đã khẳng định vai trò của Bộ Tư pháp (hay “Chancellerie”) đối với các vấn đề liên quan đến pháp luật dân sự: Vụ Dân sự và Con dấu đã được cắt giảm một số chức năng (tổ chức tư pháp, quản lý chức danh tư pháp) và chuyển giao các chức năng đó cho Vụ Dịch vụ Tư pháp mới. Sau này, cơ quan này tham gia cùng Vụ Dân sự và Con dấu trong việc soạn thảo các cải cách liên quan đến thủ tục pháp lý.
- Thứ hai, việc tái cơ cấu đã giao phó cho cơ quan mới trách nhiệm đối với toàn bộ hệ thống tư pháp và tương lai hệ thống tư pháp, “cả hai đều liên quan tới tổ chức tư pháp, với tư cách dịch vụ công cộng, liên quan tới vấn đề nhân sự và cách vận hành của nó”: vì vậy, nó chịu trách nhiệm đối với Vụ Kế toán và nhân sự cũ. Nó đã phân

chia bộ phận này thành 2 đơn vị, đó là: tư pháp và hệ thống tư pháp, trong đó nhóm lại các trách nhiệm của dịch vụ tư pháp công cộng, các quy chế, tuyển dụng cán bộ tư pháp (công chức, thẩm phán và kiểm sát viên – mặc dù hiện nay việc đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên thuộc về chức năng của Trường Tư pháp Quốc gia), việc tuyển dụng và quản lý các cán bộ này cũng như các tổ chức luật định và quản lý các chức danh tư pháp liên kết chặt chẽ với các hoạt động tư pháp (các cố vấn pháp luật, luật sư, chấp hành viên...)

- Cuối cùng, quá trình tái cơ cấu tạo ra một bộ phận nằm ngang: Vụ Quản trị và Thiết bị chung (Direction de l'Administration Générale et de l'Équipement" or DAGE) nhằm khắc phục những thiếu sót trong quản lý cơ sở vật chất và tài chính. Nghị định này quy định: *“trách nhiệm quản lý tài chính về tất cả động sản, bất động sản và những thiết bị chung đều thuộc về Vụ Quản trị và Thiết bị chung. Vì vậy, cần có một vụ giúp cung cấp cơ sở vật chất cho các vụ khác nằm trong Bộ Tư pháp. Vụ này hoạt động như một trung tâm quản lý riêng biệt, giúp tập hợp các yếu tố vốn nằm rải rác ở các vụ khác”*. Vụ Quản trị và Thiết bị chung này tiếp quản những nhiệm vụ có liên quan đến quản lý thẩm phán và các nhân sự ngành tư pháp của Vụ Nhân sự và Kế toán trước đây. Vụ Quản trị và Thiết bị chung cũng tiếp quản nhiệm vụ tổ chức thẩm phán của Vụ Dân sự và Quốc huy. Lúc đầu, Vụ Quản trị và Thiết bị chung được tổ chức khá đơn giản. Nó được chia thành 2 tiểu vụ: Một tiểu vụ phụ trách quản trị chung và vấn đề tài chính, một tiểu vụ phụ trách các thiết bị và cơ sở vật chất.

Trải qua hơn 20 năm, bên cạnh những thay đổi đã nêu trên, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội (ví dụ, việc thành lập tiểu vụ mới năm 1994 phụ trách các vấn đề về Kinh tế, Tài chính và Chống Tội phạm có tổ chức thuộc Vụ Hình sự và Ân xá), 2 cấu trúc mới được hình thành:

- Cục Quốc tế và Châu Âu được thành lập (theo Nghị định 01/10/1991) nhằm tiếp quản một số nhiệm vụ của Vụ Dân sự (các nhiệm vụ liên quan đến Luật Châu Âu và Luật Quốc tế, và tương trợ tư pháp) và một số nhiệm vụ của Vụ Hình sự (bao gồm tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ, luật hình sự quốc tế và Châu Âu và các nghiên cứu về tội phạm). Về sau, Cục Quốc tế và Châu Âu cắt giảm chức năng tương trợ tư pháp quốc tế trong các vấn đề dân sự và hình sự và chuyển giao chức năng này cho Vụ Dân sự và Hình sự. Ngày nay, Cục này can thiệp vào lĩnh vực hợp tác tư pháp, luật so sánh và chịu trách nhiệm trong việc phối hợp các hoạt động của chính phủ cấp Châu Âu và cấp quốc tế.
- Vị trí Tổng thư ký được thành lập bằng Nghị định 24/08/2005. Nhiệm vụ của Tổng thư ký được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 2008- 689 ngày 09/07/2008 sáp nhập các vấn đề về chương trình ngân sách, cơ sở vật chất, thống kê và bất động sản vào trong cùng một bộ phận.

Tổng thư ký đóng một vai trò xuyên suốt trong Bộ và chịu trách nhiệm hiện đại hóa và quản lý về vấn đề tài chính và kinh tế trong Bộ. Ông cũng có trách nhiệm đối với chương trình ngân sách và quản lý nhân sự đối với tất cả các bộ phận trong Bộ. Ông hỗ trợ các bộ phận này trong các vấn đề về xử lý dữ liệu, hạ tầng viễn thông và phòng ốc làm việc. Ông chịu trách nhiệm cùng với các bộ phận khác trong việc thúc đẩy sáng kiến kết nối của Bộ Tư pháp. Ông có trách nhiệm với hai lĩnh vực hoạt động chính của Bộ Tư pháp, đó là: vấn đề tiếp cận công lý và trợ giúp cho người bị hại bằng việc xây dựng luật và các quy định. Ông còn chỉ đạo các chính sách của Chính phủ về việc trợ giúp các nạn nhân trong khu vực Châu Âu và quốc tế (Cục Châu Âu và quốc tế nằm trong sự chỉ đạo của Tổng thư ký). Ở đây, ông điều phối các hoạt động về Châu Âu và quốc tế của Chính phủ và đưa tầm ảnh hưởng ra nước ngoài.

Từ ngày 23/06/2009, Bộ chính thức có tên gọi là Bộ Công lý và Tự do²⁴.

1.2.2 Bộ Tư pháp trong Bộ máy Nhà nước Pháp hiện nay

a) Tổ chức Nhà nước Pháp

Tổ chức Nhà nước Pháp dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực phù hợp với lý thuyết trước đó của Montesquieu và Locke, mặc dù, như đã nói, quan điểm của người Pháp là nên hạn chế trách nhiệm của nhánh Tư pháp so với quyền lực công cộng.

Lý thuyết cổ điển về phân chia quyền lực nhằm mục đích ngăn ngừa sự chuyên quyền và lạm quyền trong việc thực thi quyền lực công cộng. Nó đặt ra sự phân chia rạch ròi giữa 3 chức năng chính mà có ở các chế độ chính trị khác nhau: đặt ra luật lệ gọi là lập pháp, thực thi luật lệ gọi là hành pháp, giải quyết khiếu kiện gọi là tư pháp.

Mỗi chức năng này phải được thực thi bởi các tổ chức tách biệt nhau, độc lập với nhau về tổ chức và hoạt động. Do vậy, quyền lập pháp sẽ thuộc về các hội đồng mang tính đại diện, quyền hành pháp được thực thi bởi người đứng đầu của Nhà nước và các thành viên của Chính phủ, và quyền tư pháp được thực thi bởi tòa án. Các đối tượng được phân công theo lý thuyết của Montesquieu nhằm đạt được sự cân bằng giữa các nhánh quyền lực: ngăn ngừa sự lạm quyền, “*dùng quyền lực để kiểm soát quyền lực là một điều cần thiết*”

Pháp đã mở rộng lý thuyết của riêng mình trong việc phân chia quyền lực bằng cách không trao quyền cho nhánh tư pháp xét xử các đạo luật đã được thông qua bởi nhánh lập pháp và hành pháp (Luật 16-24/08/1790 và Nghị định 16 Fructidor An III²⁵). Thể chế tòa hành chính bắt đầu năm 1799 đã thay đổi thực trạng này: các đạo luật của nhánh hành pháp có thể bị kiện ra trước một tòa án khác phân biệt với tòa tư pháp thông thường. Quan điểm của người Pháp về phân chia quyền lực dẫn đến hệ thống tòa án kép trong tổ chức nhà nước.

²⁴ Bộ Công lý và Tự do là tên gọi chính thức của Bộ Tư pháp Pháp. Tuy nhiên, báo cáo này sử dụng khái niệm Bộ Tư pháp nhằm phù hợp với cách hiểu của Việt Nam.

²⁵ 16 Fructidor An III là cách viết ngày tháng theo lịch Cộng hòa Pháp, tương ứng với ngày 02/09/1795 dương lịch.

b) Hiến pháp ngày 04/10/1958

Đạo luật ngày 04/10/1958 quy định về tổ chức bộ máy của nhà nước Cộng hòa Thứ Năm. Đây chính là biểu hiện quan điểm của người Pháp về phân chia quyền lực bằng việc tạo ra một sự phân biệt giữa Tổng thống và Chính phủ (mục II và III); Quốc hội (mục VI); và quyền tư pháp.

Vấn đề này đã được sửa đổi nhiều lần, chẳng hạn về việc lựa chọn Tổng thống thông qua bỏ phiếu toàn dân (năm 1962), việc thành lập Liên minh kinh tế và tiền tệ, sự thừa nhận quyền tài phán của Tòa án Hình sự Quốc tế (năm 1999) hay là việc giảm nhiệm kỳ của tổng thống.

Lần sửa đổi cuối cùng, ngày 21/07/2008 bởi Quốc hội Pháp họp tại Versailles và ban hành ngày 23/07, đã thay đổi 47 điều. Việc sửa đổi nhằm nâng cao vai trò của Quốc hội, đổi mới ý nghĩa của quản lý nhà nước và đảm bảo các quyền công dân mới được ghi nhận.

Hiến pháp Pháp được chia làm 16 phần, 104 điều (chia thành các phần nhỏ) và Lời nói đầu. Lời nói đầu đã đề cập trực tiếp và rõ ràng đến 3 văn kiện cơ bản khác: Tuyên ngôn về Quyền Con người và Quyền Công dân ngày 26/08/1798, Lời nói đầu của Hiến pháp của Cộng hòa Thứ Tư ngày 27/10/1946 và Hiến chương Môi trường năm 2004.

Nguyên tắc chủ yếu phát sinh từ các văn bản này được chia đều cho các phần với quyền gốc trong khuôn mẫu hiến pháp. Những người bị đem ra xét xử không bị coi là có tội trước khi tòa tư pháp hoặc hành chính hoặc nhà lập pháp kết luận.

- **Tổng thống của nước Cộng hòa và Chính phủ**

Người đứng đầu nhà nước có nhiệm kỳ 5 năm được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Nhiệm kỳ 5 năm ra đời kể từ cuộc trưng cầu dân ý ngày 24/09/2000. Tổng thống có quyền ban hành pháp luật và là Tổng tư lệnh của lực lượng vũ trang. Tổng thống cũng có thể giải tán Quốc hội và trong trường hợp khủng hoảng nghiêm trọng, ông có thể sử dụng quyền lực khẩn cấp (Điều 16 của Hiến pháp).

Tổng thống đề cử Thủ tướng Chính phủ, và các thành viên của Chính phủ theo đề xuất của Thủ tướng Chính phủ (Điều 8 của Hiến pháp). Ông cũng là người chủ trì Hội đồng bộ trưởng.

“Thủ tướng lãnh đạo các chính sách của Chính phủ và đảm bảo việc thực thi của pháp luật” (Điều 21). Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng, Chính phủ xác định và lãnh đạo các chính sách của quốc gia. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Nghị viện (Điều 20)

- **Nghị viện**

Đại diện dân cử của nhân dân Pháp lập thành Nghị viện. Nghị viện được trao quyền ban hành pháp luật. Nghị viện bao gồm Quốc hội với 577 đại biểu nhiệm kỳ 5 năm được bầu phổ thông, và Thượng viện gồm 348 nghị sĩ được bầu một cách gián tiếp, cứ 3 năm bầu lại

một nửa Thượng viện. Thượng viện đại diện cho các chính quyền địa phương (Điều 24 của Hiến pháp).

Bên cạnh những chức năng kiểm soát của Chính phủ, cả Quốc hội và Thượng viện đều soạn thảo và ban hành luật. Trong trường hợp còn tranh cãi, Quốc hội sẽ đưa ra quyết định cuối cùng.

- Các cơ quan tư pháp

Điều 64 của Hiến pháp đã chỉ rõ vị trí độc lập của cơ quan tư pháp:

“Tổng thống của nước Cộng hòa sẽ là người bảo lãnh cho sự độc lập của cơ quan tư pháp.

Hội đồng xét xử tối cao sẽ giúp tổng thống trong vấn đề này.

Địa vị của các thành viên cơ quan Tư pháp sẽ được xác định bằng một đạo luật tổ chức và hoạt động.

Thẩm phán không thể bị cách chức.”

Sự độc lập này được xem xét trong mối quan hệ với các nhánh quyền lực khác, bởi nhánh tư pháp có quyền bổ nhiệm thành viên của mình, còn nhánh lập pháp và hành pháp không được phép thay thế thẩm phán trong bất kì trường hợp nào. Đây là lí do vì sao sự độc lập của thẩm phán được bảo vệ bằng Hiến pháp thông qua phương thức cổ điển, thẩm phán cố định: không thẩm phán nào được lựa chọn hoặc phải rời bỏ quyền lực của mình vì xét xử một vụ việc nhất định.

Bên cạnh điều 64 đã nêu ở phần trên, Hiến pháp Pháp dành thêm 3 điều nữa cho tư pháp: Điều 65 nói về Hội đồng Xét xử Tối cao, điều này gần đây đã được sửa đổi vào ngày 23/07/2008 và Điều 66 và 66 – 1, theo đó *“Sẽ không ai bị bắt giam tùy tiện. Cơ quan tư pháp, người giám hộ quyền tự do của cá nhân sẽ đảm bảo sự tuân thủ nguyên tắc này trong đạo luật”* và *“Sẽ không có ai bị kết án cho đến chết”*

Mặt khác, Hiến pháp năm 1958 không đề cập đến các nguyên tắc của tổ chức tư pháp, tòa án hành chính và tài chính, hay nguyên tắc không ai bị tước đoạt quyền được xét xử công bằng.

Sự độc lập của tòa án hành chính như là một phần của nguyên tắc gốc được công nhận bởi các đạo luật và được thể chế bằng Quyết định của Hội đồng Hiến pháp ngày 22/07/1980.

c) Tổ chức hành chính Pháp

Tổ chức hành chính Pháp từng được khắc họa bằng tính tập quyền, toàn bộ quyền hành pháp được tập trung vào các cơ quan trung ương. Các cơ quan này có nhiệm vụ quản lý cả những lợi ích chung ở cấp quốc gia và cấp địa phương. Một sự thay đổi lớn trong tổ chức hành chính đã diễn ra khi đạo luật về Phi tập trung hóa ra đời ngày 02/03/1982. Quyền hành

pháp, vốn được trao cho “Préfets”²⁶, nay được chuyển cho Chủ tịch các Hội đồng Khu vực phụ trách chung. Thêm vào đó, đạo luật trên trao cho Địa phương địa vị pháp lý trên lãnh thổ của mình. Việc xem xét lại Hiến pháp vào ngày 28 tháng 3 năm 2003 đã tăng cường thêm cho nguyên tắc phi tập trung hóa.

Việc phi tập trung hóa này đã không ảnh hưởng tới tổ chức theo lãnh thổ của tòa án. Tòa án vẫn làm việc theo sự quản lý tập trung từ Bộ Tư pháp.

Tuy nhiên, bản đồ tư pháp, từ thời Napoleon I, đã có được chỉnh sửa bởi một cuộc cải cách sâu rộng, bắt đầu từ năm 2007 và kết thúc ngày 31/12/2010 với việc đóng cửa của 17 “tòa án sơ cấp”²⁷. Ngày 01/11/2011, kết quả của cuộc cải cách là chỉ còn 819 tòa án, so với 1206 tòa án trước cải cách. Sự tái cơ cấu này nhằm mục đích hiện đại hóa cách làm việc của cơ quan tư pháp; cải thiện dịch vụ cung cấp cho công dân qua việc loại bỏ bớt các tòa án quá nhỏ; hợp lý hóa sử dụng cơ sở vật chất và nhân lực; cũng như tổ chức công việc tốt hơn nhờ có sự tham gia của công nghệ mới trong tòa án (đơn giản hóa thủ tục, truyền hình trực tiếp...)

1.3 Bộ Tư pháp Trung Quốc

Sự phát triển của Bộ Tư pháp Trung Quốc

Thời kỳ phát triển trước năm 1949

Như đã nói, truyền thống luật là một yếu tố quan trọng quyết định những sự sắp xếp quyền lực nhà nước cụ thể của một quốc gia. Do đó, ta cũng cần phải nhắc đến việc sắp xếp về luật pháp ở Trung Quốc truyền thống.

Trung Quốc có một truyền thống luật lâu đời. Người ta cho rằng bộ luật đầu tiên được ban hành ở Trung Quốc (vào khoảng năm 536 trước công nguyên²⁸) là ‘Sách hình luật’ (刑书, *Xingshu*), được khắc trên một bộ bình ba chân. Hệ thống luật truyền thống được truyền từ đời vua này sang đời vua khác trong vài ngàn năm có vẻ như đã dần bị áp đảo bởi cải cách luật pháp hiện đại (theo hướng tây phương) vào đầu thế kỷ 20. Tương tự, nền hành

²⁶ Prefets (tạm dịch: Toàn quyền) là viên chức của chính quyền trung ương được cử về để quản lý một địa phương cụ thể.

²⁷ tribunaux de grande instance: Tòa án cấp đầu tiên ở Pháp, có thẩm quyền chung trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, đối ngược lại với các tòa án chuyên môn trong một số lĩnh vực cụ thể.

²⁸ Văn bản này đã thất lạc. Chúng tôi tin vào sự tồn tại của văn bản do nó đã được nhắc đến và được đưa ra thảo luận trong nhiều văn bản lịch sử và tác phẩm kinh điển của Trung Quốc. Xem Bodde & Morris, bản ghi chép thứ 2, chương 16; Zhang Jinfan và các tác giả khác, *Một lịch sử pháp luật Trung Quốc (Zhongguo Fazhi Shi)* (Bắc Kinh: Nhà xuất bản đại chúng, 1986), chương 58. Dựa trên cơ sở các tài liệu này, các học giả Trung Quốc thường lần lại lịch sử pháp luật Trung quốc đến tận thế kỷ 23-21 Trước công nguyên. Xem Zhang Jinfan và các tác giả khác, chương 13; Chen Guyuan, *Đại cương lịch sử Trung Quốc (Zhongguo Fazhishi Gaiyao)*, tái bản lần thứ 3 (Đài Loan: Nhà xuất bản Sanmin Shuju, 1970), chương 43-44; Dai Yanhui, *Một lịch sử pháp luật Trung Quốc (Zhongguo Fazhishi)*, tái bản lần thứ 2 (Đài Loan: Nhà xuất bản Sanmin Shuju, 1971), chương 1. Một số học giả phương Tây cho rằng truyền thống luật Trung Quốc có thể bắt nguồn từ đời nhà Shang (1766-1122 Trước Công Nguyên), xem H.G. Crell, ‘Các cơ quan và trình tự thủ tục pháp luật triều đại nhà Chu’, tác giả J.A. Cohen, R.R. Edwards & F-M. C. Chen, *Luận văn về truyền thống luật Trung Quốc* (NJ: Nhà xuất bản Princeton, 1980), chương 28-29

chính của Trung Quốc cổ đại được cho là một chế độ liên tục kéo dài nhất (chứ không phải chế độ kéo dài nhất) trên thế giới²⁹. Cùng với một hệ thống hành chính phức tạp và chặt chẽ còn có các bộ luật đưa ra chức năng của các văn phòng chính phủ, hạn chế và đề ra quyền lực và nhiệm vụ cho các công chức, đồng thời thiết lập một hệ thống khá phức tạp trong việc ủy thác quyền lực và trách nhiệm.³⁰

Tuy nhiên lại không có văn hóa luật nào để ủng hộ việc phân chia quyền lực của Trung Quốc cổ. Thay vào đó, quản lý tư pháp lại luôn là một phần của quản lý nói chung, và cán bộ tư pháp là một phần của ‘hành pháp’³¹. Hơn nữa, vì cơ quan này nằm trong phạm vi kiểm soát của hoàng đế và các quan đại thần nên các hoạt động của những chuyên viên luật pháp và sự phát triển của nghề nghiệp trong ngành luật tại tất cả các triều đại³² lại vô cùng hạn chế, nếu không muốn nói là bị cấm hoàn toàn. Với một hệ thống như vậy, các vấn đề liên quan tới hỗ trợ về mặt quản lý tư pháp không được đề cập.

Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc³³, luật Tổ chức của Tòa án tối cao (1906) và Luật Tổ chức của Tòa án (1910) đã thiết lập nên một hệ thống tư pháp tách biệt với các cơ quan quản lý, từ đó việc xem xét về sự hỗ trợ cho quản lý tư pháp cũng được nhen nhúm. Vào năm 1906, một Bộ Luật được thành lập trên cơ sở của Bộ Hình. Bộ Luật đã trở thành cơ quan quản lý nhánh tư pháp đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc³⁴ đã tách rời quản lý tư pháp ra khỏi các chức năng tư pháp.

Mặc dù đã ban hành một học thuyết về việc phân chia quyền lực của 5 cơ quan (hành pháp, lập pháp, tư pháp, giám sát và kiểm tra), chính quyền Đảng dân tộc (KMT) vẫn tiếp thu hiệu quả học thuyết phương tây trong việc phân chia quyền lực giữa (3) cơ quan. Vào năm 1912, chính phủ này đã lập nên Bộ Tư pháp với chức năng chính bao gồm soạn thảo luật, quản lý nhánh tư pháp và quản lý các nhà tù³⁵

²⁹ Xem Eugene Kamenka, *Nền hành chính* (Oxford: Nhà xuất bản Basil Blackwell, 1989), chương 22-39

³⁰ Geoffrey MacComack, *Linh hồn luật truyền thống Trung Quốc* (Athens & London: Nhà xuất bản Đại học Georgia, 1996), chương 20-22

³¹ Tri phủ là ‘người xét xử, người thu thuế và cũng là người quản lý chung. Tri phủ quản lý thư tín, phân phát muối, pao-chia, quản lý lính lệ, các công việc công cộng, giám sát việc trồng trọt, phúc lợi xã hội, giáo dục và các hoạt động và nghi lễ tôn giáo’. xem T’ung-tsu Chu, *Chính quyền địa phương Trung Quốc dưới thời Ch’ing*, trích William C. Jones, ‘Đầu đề’ quyển *Mật mã triều Qing*, Oxford: Nhà xuất bản Clarendon (1994), chương 10.

³² MacCormack, bản ghi 13, trang 25

³³ Zhang Jinfan, bản ghi 11, trang 342

³⁴ Xem Sun Yaqun, *Quyền quản lý tư pháp: lịch sử, hiện tại và tương lai (sifa xingzhen qun de lishi, xianshi yu weilai)*, Bắc Kinh, NXB Luật (2004), chương 9

³⁵ Để nghiên cứu kỹ hơn, xem Zhang Xibo, ‘Một khảo sát về các luật lệ quản lý tư pháp của chính quyền Nam Ninh lân thời’, (2000) *5 Luật gia* (Faxue Jia) 69-87

Rõ ràng khái niệm quản lý tư pháp của phương Tây đã được du nhập đến Trung Quốc vào đầu thế kỷ XX, khi mà cải cách Qing và KMT đã trở thành một phần của quá trình Âu hóa luật Trung Quốc.

Thời kỳ phát triển từ 1949

(1) Bộ Tư pháp đầu tiên của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Sau khi đã hủy bỏ toàn bộ các luật KMT và giải thể hệ thống luật KMT, vào ngày 27 tháng Chín năm 1949, Hội nghị hiệp thương chính trị lâm thời (sau này có chức năng như quốc hội lâm thời) đã ban hành Luật cơ bản của **Chính phủ nhân dân trung tâm**. Điều 10 của Luật cơ bản cho phép thành lập Bộ tư pháp trong Hội đồng chính phủ (政务院, *zhengwu yuan*, chính là tiền thân của Hội đồng nhà nước). Bộ được chính thức thành lập ngày 30 tháng Mười năm 1949. Đến ngày 20 tháng Mười hai năm đó, các **Điều lệ kiểm định** việc thành lập Bộ tư pháp của Chính phủ nhân dân trung tâm được soạn thảo. Sau đó các điều lệ này đã đưa ra khung và các chức năng cho Bộ tư pháp³⁶

Điều 2 của Điều lệ kiểm định định nghĩa chức năng của Bộ tư pháp. Điều 2 quy định rằng Bộ phải có các trách nhiệm về:

- (i) Các chính sách quản lý tư pháp;
- (ii) Sự thành lập, bãi bỏ, hợp nhất, quyền lực pháp lý, phân chia và sửa đổi bộ máy tư pháp và các cơ quan kiểm sát, phải bàn bạc với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và chính quyền địa phương;
- (iii) Đào tạo lực lượng tư pháp nòng cốt;
- (iv) **Việc đăng ký, phân công, hợp nhất và giải tán** của lực lượng tư pháp nòng cốt;
- (v) Thống kê và phân tích các tranh chấp;
- (vi) Nhà tù;
- (vii) Chi phí tư pháp;
- (viii) Công khai và phổ biến các luật và chính sách tư pháp;
- (ix) Việc đăng ký, phân công, tổ chức và hướng dẫn các luật sư;
- (x) Quản lý công chứng;
- (xi) Sự hợp tác giữa các cơ quan tư pháp và chính quyền địa phương;
- (xii) Các quyết định chỉnh sửa và bãi bỏ của cơ quan tư pháp đối với cấp địa phương
- (xiii) Việc theo dõi và giám sát của các cơ quan quản lý tư pháp ở địa phương
- (xiv) Các vấn đề khác có liên quan đến quản lý tư pháp³⁷

Tuy nhiên trách nhiệm quản lý nhà tù sớm được chuyển cho Bộ An ninh công cộng vào tháng 11 năm 1950. Đơn vị thuộc Bộ tư pháp trước chịu trách nhiệm quản lý nhà tù, sau trở thành bộ phận chính sách và nghiên cứu³⁸. Từ đó, chính sách và nghiên cứu trở thành một đặc điểm cố định của Bộ tư pháp Trung Quốc.

³⁶ Để nghiên cứu kỹ hơn, xem Sun Yaquin, bản ghi 17, trang 47-53

³⁷ Xem Phòng nghiên cứu thuộc Bộ tư pháp, 'Bước tiến lịch sử của hệ thống quản lý tư pháp Trung Quốc', (tập 1, 2004) *Quản lý tư pháp Trung Quốc (Zhongguo Sifa)*, 21; và Sun Yaquin, bản ghi 17, trang 48-49

³⁸ Xem Phòng nghiên cứu thuộc Bộ tư pháp, id; và Sun Yaquin, bản ghi 17, trang 49-50

Ở đây cũng nên chỉ ra rằng vào năm 1949, dưới Chương trình phổ thông, tòa án và viện kiểm sát được sát nhập vào Chính quyền trung tâm, **not parallel authorities besides the executive**.

(2) Hiến pháp năm 1954 và Bộ Tư pháp

Hiến pháp năm 1954 là hiến pháp chính thức đầu tiên của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Hiến pháp này được lập ra như một hiến pháp cố định nhưng lại mang tính truyền thống³⁹. Cùng với Hiến pháp năm 1954, hai luật cơ bản về tòa án và viện kiểm sát cũng được ban hành vào tháng Chín năm 1954. Dưới hai luật cơ bản này, các chức năng quản lý của tòa án sẽ được Bộ tư pháp thực hiện, trong khi viện kiểm sát sẽ chịu trách nhiệm việc quản lý của chính mình.

Tháng 9 năm 1954, Bộ tư pháp của Chính phủ nhân dân trung tâm cũng được đổi tên Bộ tư pháp của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với vai trò là một phần của Hội đồng nhà nước⁴⁰. Bộ mới khi ấy chịu trách nhiệm quản lý tòa án, luật sư và công chứng viên, giáo dục và phổ biến luật pháp, thống kê, soạn thảo luật và nghiên cứu. Năm 1956, Bộ tư pháp⁴¹ cũng được giao nhiệm vụ thành lập một hệ thống bồi thẩm đoàn.

Chúng ta nên chú ý rằng Hiến pháp năm 1954 là hiến pháp đầu tiên của Trung Quốc coi tòa án và viện kiểm sát như hai cơ quan tư pháp có quyền lực song song **bên cạnh cơ quan hành pháp, báo cáo và có trách nhiệm với chính quyền nhà nước- hội đồng nhân dân ở mức tương ứng**.

Nhưng Bộ tư pháp thành lập dưới Hiến pháp năm 1954 cũng sớm ngừng hoạt động. Phiên họp thứ nhất của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 2 vào tháng 4 năm 1959 đã ra quyết định sau khi cải cách tư pháp được cơ bản hoàn thành, tòa án sẽ có quyền tự quản lý mà không cần có thêm một bộ tư pháp. Do vậy Bộ tư pháp, và sau đó là Bộ giám sát đều bị bãi bỏ⁴²

(3) Tái thành lập Bộ Tư pháp

Gợi ý đầu tiên về việc tái thành lập của Đảng

Phải mất 20 năm nhu cầu có một cơ quan quản lý để hỗ trợ cho các công tác tư pháp mới lại dấy lên vào năm 1979. Tháng 6 năm 1979, **Ban Chính-Luật của BCH Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc** đương nhiệm trình lên BCH Trung ương của Đảng cộng sản Trung Quốc *Đề xuất tái thành lập các cơ quan quản lý tư pháp*. Trong báo cáo này, Ban đã đưa ra những lý do cần thiết phải có một cơ quan quản lý để hỗ trợ việc tái thành lập của tòa án, việc đào tạo cán bộ chủ chốt và việc giáo dục luật pháp ở mức phổ thông và trường dạy nghề, quản lý công chứng viên và luật sư, việc phổ biến hiểu biết về soạn thảo luật pháp và các công việc quản lý tư pháp khác.⁴³

³⁹ Gu Angran, *Xây dựng một hệ thống luật xã hội chủ nghĩa và quá trình lập pháp (Sheshui Zhuyi Fazhi Jianshe He Lifa Gongzuo)* (Bắc Kinh: NXB Đại học khoa học chính trị và luật pháp Trung Quốc, 1989), chương 54. Chính Mao đã nói Hiến pháp năm 1954 sẽ trở thành một hiến pháp quá độ. Xem Jiang Bikun, *Luật hiến pháp (Xianfa Xue)* (Bắc Kinh: NXB đại học khoa học chính trị và luật pháp Trung Quốc, 1993), trang 67.

⁴⁰ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 53

⁴¹ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 53-54

⁴² Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 55. Sau đó vào tháng 12 năm 1968, viện kiểm sát cũng giải thể

⁴³ Xem Phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, bản ghi chép số 20, 23; và Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 57

Sự hình thành hợp pháp và những quyết định chính thức về việc tái thành lập

Ngày 1 tháng 7 năm 1979, khi Luật cơ bản của Tòa án Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được chấp nhận thông qua tại phiên thứ 2 của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 5, một tổ chức luật chính thức được thành lập nhằm mục đích phục vụ cho việc tái thành lập Bộ tư pháp. Điều 17 của Luật cơ bản chỉ ra rằng việc quản lý của tòa án ở các cấp khác nhau phải được một cơ quan tư pháp quản lý, và Điều 42 còn nói thêm rằng việc thành lập và phân công các cá thể tư pháp và các công việc văn phòng nói chung phải được điều hành bởi một cơ quan quản lý tư pháp. Ngày 13 tháng 9 năm 1979, Hội nghị lần thứ 11 của Ủy ban thường trực của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 5 đưa ra quyết định chính thức tái thành lập Bộ tư pháp⁴⁴

Việc tái thành lập của một số cục tư pháp có trách nhiệm quản lý tư pháp ở cấp địa phương do Bộ và chính quyền địa phương thực hiện cũng được tiến hành trong cùng một thời điểm⁴⁵

Tổ chức hiến pháp của Quản lý tư pháp

Vào tháng 12 năm 1982, một hiến pháp mới, đó là Hiến pháp năm 1982 (hiến pháp hiện nay) được đưa vào áp dụng. Điều 89 (8) của Hiến pháp mới chỉ ra rằng Hội đồng nhà nước sẽ hướng dẫn và quản lý các công việc dân sự, an ninh công cộng, quản lý tư pháp và giám sát. Do vậy các cơ quan quản lý đã thành lập một tổ chức hiến pháp để phục vụ việc quản lý tư pháp.

(4) Vị trí và chức năng thay đổi của Bộ tư pháp

Những chức năng ban đầu của Bộ tư pháp bao gồm:

- (i) Quản lý cho tòa án ở các mức khác nhau, bao gồm có thành lập tòa án, phân công các nhân viên tư pháp và các công việc văn phòng chung khác;
- (ii) Quản lý và đào tạo cán bộ nòng cốt
- (iii) Hợp tác với các cơ quan khác, quản lý việc giáo dục luật pháp và đào tạo các nhóm nhân viên tư pháp;
- (iv) Quản lý các công việc liên quan đến công chứng viên và luật sư;
- (v) Tổ chức việc phổ biến các hiểu biết về luật pháp;
- (vi) Soạn thảo luật và quy định
- (vii) Hợp tác với các viện nghiên cứu khác, tiến hành các nghiên cứu về luật, phát hành các ấn phẩm về luật
- (viii) Giải quyết các vấn đề ngoại giao trong mảng tư pháp⁴⁶

⁴⁴ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 57. Ở đây nên chú ý đã có một số bất đồng ý kiến trong việc có cần thiết phải tái thành lập không. Xem Zhu Yun, 'Chức năng và vị trí của các cơ quan quản lý tư pháp trong hệ thống Tư pháp', (tập 5, 1985) *Tạp chí khoa học chính trị và pháp luật Đại học Trung Quốc* (Zhengfa Lutan) 17, trang 17.

⁴⁵ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 58

⁴⁶ Không có văn bản luật chính thức nào liệt kê các chức năng của Bộ tư pháp. Các chức năng và trách nhiệm được Bộ trưởng Bộ tư pháp đương thời (ông Wei Wenbo) đưa ra trong một cuộc phỏng vấn của nhà báo Xinhua ngày 17 tháng Chín năm 1979. Xem Phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, bản ghi 20, trang 23.

Từ thời điểm đó đã có nhiều thay đổi trong trách nhiệm của Bộ tư pháp. Những thay đổi này xảy ra trên nền tảng **ad hoc** hoặc như một phần của cải cách của Hội đồng nhà nước. Do không có một luật chính thức nào về chức năng và trách nhiệm của Bộ tư pháp nên 2 văn bản được Bộ tư pháp chuẩn bị đều chịu ảnh hưởng của những thay đổi đầu tiên được áp dụng với Bộ tư pháp.

Đầu tiên, vào ngày 30 tháng 7 đến ngày 9 tháng 8 năm 1980, Bộ tư pháp đã tổ chức một hội nghị ở Bắc Kinh. Trong lễ bế mạc hội nghị, Bộ tư pháp đã chuẩn bị một bản báo cáo và nộp lên để Hội đồng nhà nước xác nhận. Bản báo cáo này đưa ra những chức năng và trách nhiệm sau của Bộ tư pháp:

- (i) Hiểu các ý kiến của cán bộ tư pháp và bảo đảm về mặt giáo dục tư tưởng cho các cán bộ;
- (ii) Quản lý việc thành lập các viện, việc phân công cá nhân, quản lý tài liệu và thiết bị và các thống kê tư pháp cho tòa án;
- (iii) Giúp tòa án thành lập và phát triển hệ thống tư pháp;
- (iv) Quản lý các cán bộ tư pháp chủ chốt sao cho phù hợp với yêu cầu của Ủy ban trung tâm của Đảng cộng sản Trung Hoa;
- (v) Tái thiết lập việc giáo dục luật pháp và đào tạo các chuyên viên luật;
- (vi) Tổ chức và quản lý các công việc liên quan đến công chứng và luật pháp;
- (vii) Bảo đảm **việc phổ biến** cho hệ thống luật
- (viii) Nghiên cứu và soạn thảo luật và cùng với các viện nghiên cứu khác thực hiện các nghiên cứu luật
- (ix) Hướng dẫn ban hòa giải nhân dân và các công việc hỗ trợ tư pháp ở địa phương;
- (x) Chỉ đạo các công việc ngoại giao ở mảng tư pháp để phát triển tình bằng hữu quốc tế, và trao đổi những kiến thức và kinh nghiệm về luật⁴⁷

Ngày 25 tháng Năm năm 1982, **Ủy ban Đảng** của Bộ tư pháp trình lên Ủy ban Trung tâm của Đảng cộng sản Trung Quốc Bản báo cáo về các chức năng và nhiệm vụ của Bộ. Bản báo cáo này chỉ ra rằng Bộ tư pháp phải thực hiện các chức năng quản lý có liên quan tới:

- (i) Đào tạo cán bộ chủ chốt cho đội ngũ cảnh sát, viện kiểm soát và tòa án;
- (ii) Phổ biến hệ thống luật;
- (iii) Các công việc của luật sư;
- (iv) Các công việc của công chứng viên;
- (v) Các công việc hòa giải;
- (vi) Các công việc ngoại giao;
- (vii) Nghiên cứu lý thuyết;
- (viii) Giúp quản lý các cán bộ chủ chốt trong việc quản lý tư pháp ở cấp địa phương⁴⁸

Một văn bản tương tự cũng chỉ ra rằng các công tác quản lý của tòa án chỉ nên thuộc về tòa án còn Văn phòng luật của Hội đồng nhà nước⁴⁹ thì nên soạn thảo luật. Bản báo cáo năm

⁴⁷ Xem Phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, bản ghi 20, trang 23

⁴⁸ Xem Phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, bản ghi 20, trang 24

⁴⁹ Xem Phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, ghi 20, trang 24

1982 đã loại bỏ một cách có hiệu quả hai chức năng quan trọng của Bộ tư pháp, đó là quản lý các nhánh tư pháp và soạn thảo luật. Hai phần này đều cần được giải thích thêm.

Điều 89 (8) trong Hiến pháp năm 1982 được nhắc đến ở trên có vẻ đang hướng đến việc tách rời quản lý tư pháp khỏi việc xét xử, và chức năng trước nhất của Bộ tư pháp vừa được thành lập bao gồm cả quản lý tư pháp cho tòa án. Nhưng Báo cáo tháng 5 năm 1982 của Bộ tư pháp lại đề nghị chuyển chức năng này sang cho tòa án mà không đưa ra một lý do rõ ràng nào và cũng đi hoàn toàn ngược lại với yêu cầu của hiến pháp. Đề nghị này sớm được đưa vào thực hiện vào tháng 8 năm 1982. Đến ngày 6 tháng 8 năm 1982, một Thông báo được đưa ra bởi cả Bộ tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao. Thông báo đã tuyên bố chuyển chức năng quản lý tòa án từ Bộ tư pháp sang hệ thống tòa án. Không hề đáng ngạc nhiên là cải cách này đã được một số học giả ngành luật dự đoán trước bằng cách so sánh những yêu cầu về mặt hiến pháp để tách rời quản lý tư pháp khỏi việc xét xử⁵⁰, nhưng các chức năng vẫn được giữ như hiện nay.

Nhằm mục đích soạn thảo luật, trong thời kỳ 1954 đến 1959, Hội đồng nhà nước cũng thành lập một Văn phòng luật. Sau đó vào năm 1980⁵¹, Văn phòng luật này được tái thành lập. Quyết định chuyển giao chức năng soạn thảo luật và các quy định sang cho Văn phòng luật là một phần của quá trình tái cơ cấu của Hội đồng nhà nước vào năm 1982. Cải cách này dường như rất có logic vì trong thời gian ấy, Văn phòng luật đang mở rộng do mong muốn thực hiện kế hoạch quản lý dựa theo luật pháp. Và ý tưởng này sớm dẫn đến việc phát triển nhanh chóng của các cơ quan quản lý việc soạn thảo luật của Hội đồng nhà nước⁵².

Tương tự, vào năm 1983 Hội đồng nhà nước cũng quyết định rằng trách nhiệm quản lý Trại phục hồi nhân phẩm (chính là nhà tù) và Trại giáo dưỡng (*Laojiao*)⁵³ phải được chuyển từ Bộ An ninh quốc gia cho Bộ tư pháp⁵⁴ mà không đưa ra giải thích rõ ràng nào. Động thái này đã gọi lại một chức năng đầu tiên được giao cho Bộ tư pháp vào năm 1949 nhưng lại sớm được chuyển sang cho Bộ An ninh Quốc gia vào năm 1950. Bằng chứng được thể hiện rõ ràng trong cuộc phỏng vấn với một viên chức của cơ quan quản lý tư pháp đã chỉ ra rằng sự chuyển đổi chức năng trên do Bộ tư pháp thời đó đơn phương yêu cầu⁵⁵

(5) Củng cố quyền lực và trách nhiệm của Bộ tư pháp

Vào năm 1983, với những thay đổi trên, Bộ tư pháp bước vào một giai đoạn khá ổn định dù cho những thay đổi về chức năng vẫn tiếp tục được tiến hành trên cơ sở **ad hoc** và quá trình cải tổ của Hội đồng nhà nước bắt nguồn từ những cần thiết trong việc thuận lợi về kinh tế hoặc các thay đổi chừng mực về các chức năng và trách nhiệm quản lý của các bộ khác nhau trong Hội đồng nhà nước.

⁵⁰ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 59

⁵¹ Năm 1998, văn phòng này được nâng cấp và đổi tên thành **Legal Affairs Office** của Hội đồng nhà nước. Xem Zhu Jingwen (ed), *Một báo cáo về phát triển luật tại Trung Quốc: Ngân hàng dữ liệu và các yếu tố đánh giá (Zhongguo Falu Fazheng Baogao: Shujuku Yu Zhibiao Tixi)*, Bắc Kinh: NXB Đại học Renmin (2007), trang 139.

⁵² Xem thảo luận về soạn thảo luật trong phần tiếp theo của Báo cáo này.

⁵³ Trại giáo dưỡng (Laojiao) là trại quản lý những người bị bởi hệ thống luật quản lý tuyên phạt; đó không phải là nhà tù giam giữ tù nhân bị tuyên án tù bởi các cơ quan tư pháp.

⁵⁴ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 60

⁵⁵ Cuộc phỏng vấn cá nhân vào tháng 6 năm 2012

Các thay đổi chủ yếu diễn ra vào thời kỳ 1983 đến 2008, bao gồm cả các thay đổi sau (theo trình tự thời gian):

- (i) Năm 1987, Hội đồng thành phố cho phép thành lập một văn phòng trực thuộc Bộ tư pháp có chức năng trợ lý tư pháp quốc tế⁵⁶. Quyết định này đã thêm một cách hiệu quả chức năng trợ lý tư pháp quốc tế vào các chức năng của Bộ tư pháp⁵⁷;
- (ii) Năm 1992, trách nhiệm ổn định cuộc sống cho các tù nhân vừa tại ngoại được giao cho Bộ tư pháp⁵⁸;
- (iii) Năm 1994, Ủy ban đương nhiệm của Hội đồng nhân dân toàn quốc đã thông qua Luật trọng tài, và không lâu sau đó Bộ tư pháp được giao một số trách nhiệm có giới hạn nhất định trong việc quản lý đăng ký các viện trọng tài⁵⁹;
- (iv) Năm 1997, Bộ tư pháp thành lập Trung tâm luật trợ giúp và giao trách nhiệm về trợ giúp luật pháp toàn quốc cho trung tâm⁶⁰;
- (v) Năm 1999, Trung Quốc quyết định Bộ giáo dục và chính quyền địa phương nên chịu trách nhiệm giáo dục phổ thông chứ không nên giao trách nhiệm ấy cho các bộ chức năng và Hội đồng nhà nước. Vì vậy nên năm trường đại học luật (Đại học khoa học chính trị và luật pháp Trung Quốc, Đại học khoa học chính trị và luật pháp Tây Nam, Đại học khoa học chính trị và luật pháp miền Đông Trung Quốc, Đại học khoa học chính trị và luật pháp Tây Bắc và Đại học khoa học chính trị và luật pháp miền Trung Trung Quốc) đều được chuyển từ Bộ tư pháp qua Bộ giáo dục hoặc chính quyền địa phương sở tại. Việc này đã chấm dứt trách nhiệm giáo dục phổ thông của Bộ tư pháp⁶¹;
- (vi) Năm 2001, Luật thẩm phán (được Ủy ban thường trực của Hội đồng nhân dân toàn quốc đề xuất lần đầu vào 28 tháng 2 năm 1995) được đưa ra xem xét lại. Luật đã được xem xét đặt ra một kỳ thi tư pháp thống nhất toàn quốc để kiểm tra năng lực của luật sư cũng như chọn lựa và phân công thẩm phán và kiểm sát viên⁶². Để quản lý kỳ thi tư pháp toàn quốc này, Ủy ban trung tâm của Đảng cộng sản quyết định thành lập một văn phòng quản lý kỳ thi tư pháp dưới sự quản lý của Bộ tư pháp. Chính quyết định này đã thêm chức năng mới cho Bộ tư pháp⁶³, và kỳ thi tư pháp toàn quốc đầu tiên đã được tổ chức vào năm 2002⁶⁴;

⁵⁶ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, trang 60

⁵⁷ Ở đây nên chú ý rằng Văn phòng trợ giúp tư pháp quốc tế được thành lập để cùng hoạt động với Văn phòng ngoại giao của Bộ

⁵⁸ Wang Xiaomei, 'Một phân tích về những sự thay đổi về chức năng của các cơ quan quản lý tư pháp nước ta', (2010) 23 (2) *Tạp chí Viện quản lý chính trị và pháp luật Shanxi (Shanxi Zhengfa Guanli Gangbu Xueyuan Xuebao)* 105, trang 106.

⁵⁹ Wang Xiaomei, id, trang 106

⁶⁰ Wang Xiaomei, id, trang 106

⁶¹ Xem Văn phòng nghiên cứu của Bộ tư pháp, bản ghi 20, 25

⁶² Kỳ thi tuyển luật sư đã được thành lập trước đó với nền tảng Bộ luật về luật sư năm 1996

⁶³ Bộ tư pháp có trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển luật sư cho đến năm 1998. Sau đó trách nhiệm này được chuyển giao cho Hiệp hội luật sư Trung Quốc. Xem chú ý của Hội đồng nhà nước về Chức năng và việc sắp xếp quản lý cho Bộ tư pháp, được ban hành vào 24 tháng 6 năm 1998.

⁶⁴ Xem Thông báo toàn quốc tháng 7 năm 2001 về một số câu hỏi liên quan đến Kỳ thi tư pháp toàn quốc của Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- (vii) Năm 2003, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ an ninh quốc gia và Bộ tư pháp đưa ra một thông báo chung bổ nhiệm Bộ tư pháp vào vị trí lãnh đạo trong việc **tổ chức phiên tòa** của dịch vụ hiệu chỉnh cộng đồng. Chức năng quản lý dịch vụ hiệu chỉnh cộng đồng cũng sớm thuộc về Bộ tư pháp.
- (viii) Năm 2005, Ủy ban thường trực của Hội đồng nhân dân toàn quốc quyết định Bộ tư pháp cũng nhận luôn trách nhiệm quản lý các dịch vụ thuộc tòa án.

Trung Quốc có một hệ thống thiết chế khá cứng nhắc. Dưới hệ thống này, cấu trúc của các cơ quan nhà nước được Ủy ban trung ương của Đảng cộng sản quản lý chặt chẽ (thông qua Văn phòng thành lập cơ quan, *Zhongbian Bang*, 中编办) và được tiến hành bởi Hội đồng nhà nước thông qua kế hoạch được gọi là ‘kế hoạch 3 quyết’ (*sanding fang'an* ‘三定方案’) – các quyết định dựa trên đặc điểm của viện, quyết định dựa trên một số chức năng nhất định của viện và quyết định dựa trên cấu trúc bên trong và các vị trí chính thức. Do vậy *ad hoc* đã thay đổi, và những sửa đổi đã dần tạo nên một cơ quan thông qua quá trình thực hiện ‘kế hoạch 3 quyết’. Từ năm 1983 đến năm 2008 (khoảng thời gian Kế hoạch hiện tại được thực hiện), 3 kế hoạch trên lần lượt được thực hiện vào tháng 10 năm 1988, tháng 4 năm 1994 và tháng 6 năm 1998.

(6) Quyền lực hiện tại và những trách nhiệm của Bộ tư pháp

‘Kế hoạch 3 quyết’ gần đây nhất đã thể hiện được chức năng của Bộ tư pháp được Hội đồng nhà nước tuyên bố vào ngày 10 tháng 7 năm 2008⁶⁵. Điều 2 của Chú ý này nêu những chức năng cụ thể của Bộ tư pháp sẽ nhận trách nhiệm về các điều sau đây:

- (i) Thiết lập những chỉ dẫn và chính sách, soạn thảo các luật và quy định tương ứng với quản lý tư pháp; soạn thảo các luật của bộ, soạn thảo và tổ chức việc thi hành các kế hoạch phát triển quản lý tư pháp;
- (ii) Quản lý các nhà tù trên khắp cả nước và giám sát việc thi hành các án phạt của tù nhân và quá trình cải tạo của tù nhân;
- (iii) Việc quản lý trung tâm lao động cải tạo (*laojiao*); hướng dẫn và giám sát tiến độ công việc của các trại viên; hướng dẫn và giám sát việc quản lý trung tâm cai nghiện được thành lập dưới hệ thống quản lý tư pháp;
- (iv) Tổ chức và thực hiện các kế hoạch cho việc phổ biến luật pháp và tuyên truyền những hiểu biết cơ bản về luật, hướng dẫn chính quyền địa phương, một số lãnh đạo các nhóm nghề nghiệp và ngành công nghiệp về việc phổ biến luật pháp cùng với các hoạt động tuyên truyền và quản lý cũng như các hoạt động phổ biến và tuyên truyền có liên quan tới yếu tố nước ngoài;

Kỳ thi tư pháp toàn quốc đầu tiên được tổ chức vào tháng 3 năm 2002 với khoảng 360 nghìn thí sinh dự thi. Xem báo Legal Daily (*Fazhi Ribao*), phiên bản báo mạng ngày 31 tháng 3 năm 2002. Để đảm bảo kỳ thi được diễn ra một cách hợp lý, Bộ tư pháp đã đưa ra 2 luật tạm thời: Điều khoản tạm thời về Kỳ thi tư pháp quốc gia (28 tháng 3 năm 2002), và Những dự đoán về việc xử lý những vi phạm kỷ luật trong Kỳ thi tư pháp quốc gia (**trong việc xét xử**) (13 tháng 3 năm 2002)

⁶⁵ Chú ý về Các chức năng cơ bản, Cơ cấu Internet và các vị trí cá nhân của Bộ tư pháp của Văn phòng chung của Hội đồng nhà nước, ngày 10 tháng 7 năm 2008

- (v) Hướng dẫn và giám sát các luật sư và công chứng viên hành nghề cũng như các công việc có liên quan tới giao việc công chứng cho các luật sư đến từ các khu tự trị Hồng Kông và Macao ;
- (vi) Giám sát và quản lý công việc của các trung tâm trợ giúp luật toàn quốc.
- (vii) Hướng dẫn và giám sát quá trình thành lập các văn phòng trợ giúp tư pháp địa phương và công việc của people's mediation, community correction, grass-root legal service, and the re-settlement of those in need of assistance;
- (viii) Tổ chức và tiến hành các kỳ thi tư pháp toàn quốc;
- (ix) Việc đăng ký và quản lý các **dịch vụ tòa án cá nhân và cơ quan** trên toàn quốc;
- (x) Tham gia vào soạn thảo và đàm phán các hiệp ước quốc tế về trợ giúp tư pháp và thực hiện vai trò có tên **Chính quyền trung ương** được nêu trong hiệp ước
- (xi) Hướng dẫn việc trao đổi nhân viên với các nước ngoài và hợp tác trong hệ thống quản lý tư pháp, tổ chức việc tham gia trao đổi nhân viên với các cơ quan Liên hợp quốc có liên quan tới phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự, đồng thời giải quyết các vấn đề có liên quan tới quản lý tư pháp của Hồng Kông, Macao và Đài Loan;
- (xii) Quản lý việc sử dụng súng, đạn, đồng phục, phương tiện đi lại và các tài liệu và công cụ khác trong hệ thống quản lý tư pháp, hướng dẫn và giám sát các kế hoạch tài chính và kế toán của hệ thống;
- (xiii) Hướng dẫn và giám sát các bước phát triển của cá nhân cũng như của cơ quan và quá trình tu dưỡng đạo đức của hệ thống quản lý tư pháp, các công việc của cảnh sát và của giám sát viên của cảnh sát trong hệ thống quản lý tư pháp, và trợ giúp các tỉnh và các khu vực tự trị đi theo đường lối của nhà nước trong việc quản lý các công chức chính của văn phòng tư pháp địa phương;
- (xiv) Thực hiện các nhiệm vụ khác mà Hội đồng nhà nước giao cho.

Kế hoạch 3 quyết này đã chính thức hóa cho Bộ tư pháp nhiệm vụ quản lý các trung tâm cai nghiện và các dịch vụ sửa chữa cộng đồng, cũng như việc đăng ký và các cơ quan xét xử.

Tóm lại, theo đúng các chức năng chính của mình, Bộ tư pháp đã thực thi một số quyền hạn nhà nước và một số chức năng quản lý nhất định:

- (i) **Thực hiện các quyền hạn nhà nước trong việc thi hành án phạt:** nhà tù và trại cải tạo;
- (ii) **Thực hiện các quyền hạn quản lý án phạt:** *laojiao* và trung tâm cai nghiện;
- (iii) **Quản lý các dịch vụ liên quan đến luật pháp:** luật sư, công chứng viên, dịch vụ tòa án, dịch vụ pháp lý tận gốc và trợ giúp pháp lý;
- (iv) **Quản lý cơ cấu giải quyết tranh chấp dân sự:** các tranh chấp của nhân dân, các chức năng hạn chế của cơ quan **đăng ký và giải quyết;**
- (v) **Quản lý các chứng nhận pháp lý:** các kỳ thi tư pháp toàn quốc;
- (vi) **Công khai** hệ thống luật và phổ biến hiểu biết về luật pháp cho cộng đồng (thường được nhắc đến như *Pufa* (Luật phổ thông));

- (vii) **Thực hiện các chức năng trợ giúp tư pháp và hợp tác quốc tế**⁶⁶. Ở phần trên còn thiếu các chức năng phê bình của quản lý nhánh tư pháp. Không hề đáng ngạc nhiên là thuật ngữ Trung Quốc ‘*sifa xingzheng*’ ngày càng được nhiều nơi dịch là ‘quản lý pháp luật’ chứ không phải ‘quản lý tư pháp’.

II. SO SÁNH MỘT SỐ CHỨC NĂNG CỦA BỘ TƯ PHÁP BA NƯỚC

2.1 Khái lược về tương đồng và khác biệt trong lịch sử phát triển của hệ thống tư pháp Canada, Pháp và Trung Quốc

Pháp và Trung Quốc và một phần Canada được coi là các đại diện của truyền thống pháp luật dân sự. Lịch sử phát triển hệ thống pháp luật và tư pháp của các quốc gia này có không nhiều điểm chung. Tuy nhiên, cũng có một số điểm khác biệt, chủ yếu xuất phát từ thái độ của mỗi quốc gia đối với sự thống nhất của pháp luật.

Ở Pháp, cho tới trước khi có Bộ Luật Dân sự của Napoleon, tình trạng pháp luật phân tán, có sự tồn tại của nhiều yếu tố án lệ là tương đối phổ biến. Bản thân việc tiếp nhận và áp dụng pháp luật thống nhất tại Pháp ban đầu cũng miễn cưỡng, có lẽ chủ yếu là do tác động của Hoàng đế Napoleon. Trong khi đó, Canada tuy có hầu hết các tỉnh (bang) thành viên theo truyền thống luật án lệ, chỉ duy nhất có 1 bang là Quebec theo truyền thống luật dân sự, nhưng quốc gia này lại có một hệ thống pháp luật theo kiểu “hỗn hợp”, được xây dựng trên cơ sở “hài hoà hoá” các yếu tố khác nhau của cả hai truyền thống pháp luật dân sự và án lệ; đồng thời trên cơ sở cả 2 ngôn ngữ chính thức của quốc gia là tiếng Anh và tiếng Pháp.

Trung Quốc là trường hợp đặc biệt hơn. Dù lấy nền tảng là truyền thống luật án lệ, nhưng do tác động của các yếu tố hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật của quốc gia này có rất nhiều điểm đặc biệt so với hệ thống pháp luật của các quốc gia theo truyền thống luật dân sự “truyền thống” khác và tương đối giống với hệ thống của Việt Nam, kể cả yếu tố lịch sử phát triển thời hiện đại.

2.2 So sánh một số điểm tương đồng và khác biệt điển hình trong tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp của Canada, Pháp, và Trung Quốc

CHỨC NĂNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Công tác xây dựng pháp luật ở cả ba quốc gia được nghiên cứu đều có cơ sở pháp lý rõ ràng. Ở Canada và Trung Quốc, đây là các đạo luật về ban hành luật. Nước Pháp quy định về quy trình lập pháp trong Hiến pháp, tuy không rõ là có một đạo luật riêng về ban hành

⁶⁶ Xem Hao Qiyong (Phó bộ trưởng Bộ tư pháp), ‘Hệ thống quản lý tư pháp của chúng tôi và những cải cách và phát triển’, (số 9, 2011) *Tạp chí hòa giải nhân dân (Renmin Tiaojie)*4, trang 5

pháp luật hay không, nhưng trong Nghị định về hoạt động của Bộ Tư pháp Cộng Hoà Pháp có quy định chức năng xây dựng pháp luật của bộ này một cách khá cụ thể.

Nhìn chung, các quốc gia nghiên cứu đều có Bộ Tư pháp tham gia vào công tác xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các quốc gia chính là mức độ tham gia khác nhau của Bộ Tư pháp vào hoạt động này. Trong khi Bộ Tư pháp của Pháp tham gia soạn thảo văn bản mà không tham gia thẩm định (chức năng thẩm định ở quốc gia này được giao cho một cơ quan độc lập với Chính phủ là Tham chính viện) thì Bộ Tư pháp của Canada có cả hai chức năng này. Bộ Tư pháp ở Trung Quốc lại có sự phân cấp tương đối đặc thù

Canada là quốc gia có quy định rõ ràng nhất về một cơ chế soạn thảo xây dựng pháp luật với cơ quan trung tâm là Bộ Tư pháp. Chức năng soạn thảo pháp luật ở Canada được trao gần như toàn bộ cho Bộ Tư pháp. Để thực hiện chức năng này, Bộ phận Pháp chế của Bộ Tư pháp Canada là một phần của một chi nhánh lớn hơn được gọi là Nhánh dịch vụ lập pháp. Người đứng đầu của Ban đó là Luật sư trưởng Lập pháp. Người giữ vị trí đó trực tiếp báo cáo với Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Trưởng cố vấn lập pháp có một số nhà đầu mối quản lý báo cáo với mình gồm cả Giám đốc Bộ phận Pháp chế. Phòng Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng của tất cả các dự luật của chính phủ với rất ít trường hợp ngoại lệ. Vị trí Trợ lý Giám đốc được thành lập vài năm trước đây để cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Giám đốc của bộ phận. Khoảng 30 người xây dựng dự thảo làm việc trong bộ phận, họ soạn thảo tất cả các dự luật của Chính phủ, cả bằng tiếng Anh và tiếng Pháp.

Quy trình soạn thảo luật ở Canada có một số điểm đáng lưu ý như sau:

- **Cơ chế đồng soạn thảo (Co-drafting)**

Đồng soạn thảo, như đã đề cập ngắn gọn ở trên, là một kỹ thuật soạn thảo độc đáo, theo đó mỗi tài liệu được soạn thảo bởi hai nhà soạn thảo xây dựng pháp luật, mỗi người trong số họ xử lý các phiên bản tương ứng với tiếng mẹ đẻ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp). Toàn bộ ý tưởng đằng sau kỹ thuật này là để xem xét công bằng đối với hai phiên bản ngôn ngữ chính thức⁶⁷.

Đồng soạn thảo có hiệu quả? Không thể nghi ngờ rằng nó mang lại chất lượng lập pháp cao hơn. Hơn cả, mỗi dự luật được phát triển, thông qua, soạn thảo, xem xét, thảo luận, v.v bởi hai luật sư (hoặc công chứng⁶⁸). Chúng tôi muốn nghĩ rằng hai cái đầu tốt hơn so với một ...

⁶⁷ Theo Hiến pháp của chúng tôi, Luật được thông qua bởi Quosch ội “sẽ được in ra thành các bản tiếng Anh và tiếng Pháp có giá trị như nhau. Xem Điều 18 của Hiến chương về quyền và tự do của Canada, chú ý 6.

⁶⁸ Bang Quebec có cả luật sư và công chứng viên. Công chứng viên được đào tạo pháp lý và có bằng cấp như luật sư. Đôi khi công chứng viên làm việc như nhà soạn thảo luật trong Sở Tư pháp

Tuy nhiên, người ta có thể đặt câu hỏi liệu đồng soạn thảo có hiệu quả. Mức lương của hai luật sư (hoặc công chứng) tất nhiên cao hơn so với tiền lương của một luật sư (hoặc công chứng) và dịch giả một. Bởi vì hai luật sư (hoặc công chứng) làm việc chặt chẽ với nhau trong việc phát triển pháp luật và vì kết quả cuối cùng nhất thiết sẽ là một sản phẩm chất lượng tốt hơn với ít cơ hội hơn khả năng bị làm khó hơn trước tòa án, trong bối cảnh của pháp luật song ngữ, nó được cảm nhận rằng hiệu quả hơn khi sử dụng hai nhà soạn thảo so với phương pháp cũ nhà soạn thảo/biên dịch.

Một khía cạnh thú vị khác liên quan với cách tiếp cận này là một thực tế rằng đồng soạn thảo có thể được sử dụng như là một nơi đào tạo cho nhà dự thảo ít kinh nghiệm. Thật vậy, nói chung, các nhà quản lý của nhóm soạn thảo sẽ làm hết sức mình để kết hợp với một nhà soạn thảo nhiều kinh nghiệm hơn với một người ít kinh nghiệm hơn để khuyến khích việc chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm từ người trước cho người sau.

Ngôn ngữ cũng là một điểm thú vị trong công tác soạn thảo pháp luật ở Canada. Do là một quốc gia đa ngôn ngữ, pháp luật ở Canada đều phải được ban hành bằng cả tiếng Anh và tiếng Pháp. Đến tận năm 1978, các dự án luật đã được soạn thảo bằng tiếng Anh và sau đó được dịch sang tiếng Pháp. Hiện nay các dự luật được phối hợp soạn thảo bởi một nhóm hai nhà soạn thảo, một nói tiếng Anh (thông thường với một nền tảng thông luật) và một nói tiếng Pháp (thông thường với một nền pháp luật dân sự). Họ được hỗ trợ, cả bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, bởi một nhóm các nhà lập pháp hiệu đính, cũng như một nhóm chuyên gia ngôn ngữ pháp lý **jurilinguists** (tức là ngôn ngữ học với chuyên ngành luật). Bởi vì dự án luật phải đưa vào hai hệ thống luật pháp của đất nước, dự thảo cũng được hỗ trợ bởi một nhóm các chuyên gia pháp luật so sánh, những người có hiểu biết trong hai hệ thống pháp lý của đất nước và do đó có thể cung cấp tư vấn chuyên gia về khía cạnh kép của pháp luật.

• *Kế hoạch lập pháp*

Hệ thống đặt tại Ottawa lập kế hoạch chương trình nghị sự lập pháp của chính quyền ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các việc soạn thảo của Sở Tư pháp. Bởi vì nguồn soạn thảo khan hiếm, biết trước những ưu tiên xây dựng pháp luật của chính quyền là gì và khi nào chính quyền muốn giới thiệu tại Quốc hội các dự án luật khác nhau mà được liệt kê trên chương trình nghị sự lập pháp của mình sẽ mang lại kết quả giúp những người soạn thảo tập trung vào những gì quan trọng và cấp thiết nhất cho chính quyền, và không lãng phí thời gian của họ chuẩn bị dự án luật không có tính cấp bách cụ thể. Tất nhiên chương trình nghị sự lập pháp của chính phủ không bắt di bắt dịch, nó sẽ liệt kê các mục tiêu của chính phủ, nhưng có những hoàn cảnh có thể thay đổi chương trình đó, và điều này là hoàn toàn bình thường và thực tế.

Thiếu quy hoạch trong lĩnh vực soạn thảo pháp luật có nghĩa là người soạn thảo sẽ dành thời gian vào các sáng kiến lập pháp quan trọng một cách hạn chế hoặc có thể bị giảm

xuống hoàn toàn. Cần nói rằng, tại Ottawa, người soạn thảo không bắt đầu làm việc trên một dự luật, trừ khi nội các hoặc một ủy ban nội các hoặc lãnh đạo nghị viện bang đã phê duyệt để có hiệu lực. Điều này tất nhiên không thể là một đảm bảo rằng chính phủ sẽ tiến lên với sáng kiến lập pháp này, nhưng nó là một dấu hiệu tốt rằng an toàn để dành nhiều thời gian vào sáng kiến này.

- *Tính Tập trung*

Như đã đề cập ở trên, pháp luật tại Ottawa được soạn thảo bởi một cơ quan tập trung nằm trong Sở Tư pháp. Lợi thế rõ ràng nhất của cách tiếp cận đó đã mang đến sự nhất quán cao hơn trong cách pháp luật được soạn thảo. Nhóm soạn thảo bộ tiêu chuẩn soạn thảo và chúng được áp dụng nhất quán cho tất cả các luật của chính phủ. Sự tập trung của các cơ quan soạn thảo cũng tạo điều kiện cho việc soạn thảo chương trình nghị sự lập pháp của chính phủ. Tài nguyên có thể được phân bổ đối với các nhu cầu cấp bách nhất của chính phủ. Nó cũng dễ dàng điều chỉnh để ưu tiên thay đổi. Ngoài ra, nếu một hồ sơ cụ thể trở nên cấp thiết và đòi hỏi nguồn lực bổ sung một số, các đội có thể được đưa vào hồ sơ đó để xúc tiến quá trình.

Tất nhiên có nhược điểm liên quan với cách tiếp cận này. Một trong số đó là một thực tế rằng những người dự thảo không biết mỗi bộ phận có pháp luật được soạn thảo cũng như nếu họ chỉ làm việc cho một bộ phận khách hàng đặc biệt. Ngoài ra, đối với Dự luật phát ra từ Sở Tư pháp, nó thực sự gây áp lực trên vai của những người soạn thảo mà sau cả là nhân viên của Sở Tư pháp. Bộ Tư pháp chỉ là một trong nhiều cơ quan chính phủ mà họ dự thảo pháp luật, và các bộ phận của họ không có đặc quyền hoặc ưu tiên. Các đơn đặt hàng đến từ Chính phủ, chứ không phải từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp ...

- *Tính Chuyên ngành*

Các đơn vị soạn thảo của Bộ Tư pháp không chỉ tập trung, mà họ cũng rất chuyên ngành, sự chuyên ngành ở đây nghĩa là những nhà soạn thảo là độc quyền dành riêng cho soạn thảo xây dựng pháp luật. Điều này cho phép họ phát triển trong lĩnh vực mà các cơ quan khác nhau có thể được hưởng lợi. Các nhà soạn thảo trở thành chuyên gia trong lĩnh vực soạn thảo pháp luật, có nghĩa là các dự luật mà họ làm có chất lượng cao hơn và được soạn thảo nhanh hơn. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là những người dự thảo chuyên trong bất kỳ lĩnh vực cụ thể của pháp luật. Nói chung, họ vẫn là những nhà tổng quát khi nói đến các lĩnh vực khác nhau của pháp luật mà chính phủ liên bang có thẩm quyền. Đôi khi, những người soạn thảo tương tự nhau có xu hướng thực tế phát triển chuyên sâu trên một lĩnh vực này hoặc lĩnh vực khác, nhưng họ vẫn soạn thảo pháp luật trong tất cả các lĩnh vực khác của liên bang. Việc này cho phép sự linh hoạt lớn hơn trong đội để thực hiện chương trình nghị sự lập pháp của chính phủ. Khi những sự ưu tiên thay đổi, các nhà quản lý của nhóm soạn thảo để có thể di chuyển các đội của mình cho phù hợp. Nó sẽ là khá khó xử cho các nhà quản lý khi

phải nói với nội các rằng, không may, những nhà soạn thảo chỉ có khả năng soạn thảo một lĩnh vực lập pháp chuyên biệt trong lĩnh vực khác, không biết gì về các lĩnh vực pháp luật đang được yêu cầu, và do đó không thể được yêu cầu soạn thảo pháp luật khẩn cấp theo yêu cầu của chính phủ...

Tuy nhiên, vấn đề lựa chọn các đơn vị sẽ được phân bổ chức năng tham gia xây dựng pháp luật cũng có thể là lý do gây tranh cãi giữa các cơ quan.

Sau khi Bộ Tư pháp được xác định là Bộ chịu trách nhiệm cho việc xây dựng pháp luật của chính phủ, tôi không nhận thức được rằng có bất kỳ khó khăn hoặc tranh cãi trong việc xác định các đơn vị thuộc Bộ có nên chịu trách nhiệm chủ trì soạn thảo lập pháp. Nó dường như khá rõ ràng rằng một đơn vị đặc biệt đã được thành lập để tham dự vào công việc này.

Tuy nhiên, có thể có một số tranh cãi liên quan đến việc lựa chọn cơ quan nào nên được phân bổ nhiệm vụ này. Bởi vì chức năng này liên quan chặt chẽ đến công tác của Quốc hội và bởi vì Quốc hội chịu trách nhiệm đầu tiên cho việc soạn thảo pháp luật, người ta có thể lập luận rằng Quốc hội là một sự lựa chọn tốt hơn. Văn phòng Hội đồng cơ mật (tức là bộ phận của Thủ tướng Chính phủ điều phối các hoạt động nội các, cũng như công việc của Ủy ban Nội các) cũng sẽ là một lựa chọn thú vị bởi vì vai trò quan trọng của nó đối với việc chấp thuận tất cả các sáng kiến lập pháp của chính phủ. Một đơn vị soạn thảo tập trung nằm trong bộ phận cụ thể có thể có ý nghĩa hơn từ tầm nhìn chiến lược, cụ thể là bởi một nhóm soạn thảo tập trung các dự thảo pháp luật cho chính phủ.

Tuy nhiên, vì việc soạn thảo lập pháp, về bản chất, là trung tâm của việc làm ra pháp luật và Bộ Tư pháp, như được thảo luận ở trên, là cố vấn pháp lý cho chính phủ, đây là điểm mấu chốt làm cho việc phân bổ chức năng này cho Bộ Tư pháp có ý nghĩa hơn. Từ một quan điểm thực tế, lựa chọn này tạo cho những người soạn thảo tiếp cận dễ dàng và không giới hạn đến một lượng lớn các chuyên gia pháp lý thuộc Bộ Tư pháp. Những người soạn thảo thường xuyên tìm kiếm sự tư vấn chuyên môn từ các đồng nghiệp của họ từ các bộ phận khác của bộ phận chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của pháp luật (ví dụ như luật hiến pháp, pháp luật hành chính, luật hình sự, luật nhân quyền, luật pháp quốc tế).

Bài học từ việc giao chức năng xây dựng pháp luật và từ việc thực hiện chức năng này và con đường phát triển xa hơn

• *Các tiêu chuẩn soạn thảo*

Tính nhất quán trong việc soạn thảo xây dựng pháp luật là điều quan trọng nhất. Chất lượng pháp luật chỉ đơn giản là không thể tồn tại mà không nhất quán. Cuối cùng, các tiêu chuẩn soạn thảo phải được thành lập, và chúng nên được thành lập chung thông qua thảo luận và sự tham gia của tất cả các thành viên của nhóm soạn thảo, chứ không phải là quyết định

bởi quản lý. Sau khi thành lập, các tiêu chuẩn này nên được kết hợp trong một nhóm sách pháp luật của đề bản để dễ dàng tham khảo và nên được cập nhật hàng năm, khi cần thiết.

- *Các chỉ dẫn cho việc chuẩn bị các hướng dẫn soạn thảo*

Để đảm bảo tính nhất quán trong cách hướng dẫn xây dựng dự thảo được chuẩn bị giữa các chính phủ, nhóm phụ trách soạn thảo luật pháp được khuyến khích chuẩn bị các chỉ dẫn có thể được sử dụng bởi những người chịu trách nhiệm về việc chuẩn bị của các hướng dẫn soạn thảo trong các phòng ban khác nhau hoặc các Bộ khác nhau. Không chỉ những chỉ dẫn đó sẽ giúp đạt được sự nhất quán hơn trong việc chuẩn bị hướng dẫn soạn thảo, điều này là một phương tiện đảm bảo rằng những người dự thảo được cung cấp tất cả các thông tin mà họ cần trong các hướng dẫn soạn thảo.

- *Làm rõ vai trò và trách nhiệm*

Mối quan hệ công việc tốt giữa các cơ quan soạn thảo và cơ quan đặt hàng hoặc các Bộ được dựa trên một định nghĩa rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình soạn thảo pháp luật. Chuẩn bị một tài liệu ngắn mô tả vai trò và trách nhiệm sẽ tránh được rất nhiều khả năng nhầm lẫn và sự hiểu lầm. Mỗi bộ phận hoặc Bộ nên nhận được một bản sao của tài liệu khi nó được hoàn thành, nhưng họ cũng cần được cung cấp một bản sao mỗi khi một tài liệu soạn thảo là công khai đối với bộ phận hoặc Bộ đó. Nên khuyến khích thảo luận về tài liệu một thời gian ngắn vào lúc bắt đầu cuộc họp đầu tiên được tổ chức vào bất kỳ tài liệu lập pháp cụ thể, như một lời nhắc nhở.

Ở Trung Quốc, Luật về ban hành luật đã được Hội nghị nhân dân toàn quốc lần thứ 8 (1993-1998) đưa vào chương trình xây dựng luật, nhưng phải sau khoảng bảy năm với những tranh cãi sôi nổi và nhiều nỗ lực lớn của các học giả và các nhà làm luật thì Luật về ban hành luật mới được Phiên họp toàn thể lần thứ 3 của Hội nghị nhân dân toàn quốc (NPC) họp vào ngày 15 tháng 3 năm 2000 chấp nhận thông qua⁶⁹. Luật bắt đầu có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2000.

Luật về ban hành luật chủ yếu hướng tới các vấn đề sau: sự phân chia quyền lực theo chiều dọc giữa trung ương và địa phương và phân bổ quyền ban hành luật pháp theo chiều ngang giữa các cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp (Luật này không nhắc đến ban hành luật tư pháp); các mối liên hệ giữa các ‘luật’ của các cơ quan khác nhau; việc giám sát các luật, điều lệ và các quy định quản lý; đại diện về quyền lập pháp; quá trình lập pháp và sự thể hiện của các luật. Ngoài quá trình ban hành luật, tất cả các vấn đề khác đều có mối liên hệ với những yếu tố cơ bản của hiến pháp đương thời một cách hiệu quả theo một cách nào đó.

⁶⁹ Để thảo luận về những ý kiến trái chiều xung quanh việc xây dựng Luật về ban hành luật, xem Jianfu Chen, *Luật Trung Quốc: Phạm vi và thay đổi*, Leiden/Boston: NXB Martinus Nijhoff (2008), trang 177-180.

Luật về ban hành luật hướng tới việc định nghĩa và đưa ra phạm vi của việc ban hành luật cho các cơ quan lập pháp ở cấp trung ương và địa phương, quyền ban hành luật của các cơ quan quản lý khác nhau, cùng với các quá trình ban hành luật và quy định. Cùng với Hiến pháp năm 1982, Luật đã phân loại các văn bản ban hành luật thành các luật, quy định quản lý, quy định của địa phương, quy định tự trị, điều lệ hành chính và các điều lệ của chính quyền địa phương. Quyền ban hành luật được NPC và Ủy ban thường trực trao. NPC có trách nhiệm với các luật dân sự và hình sự cơ bản, cơ cấu hệ thống kinh tế và cấu trúc nhà nước cơ bản, trong khi Ủy ban thường trực quản lý các luật khác cùng với một phần việc bổ sung và xem xét các luật cơ bản khi NPC không trong phiên họp. Hội đồng nhà nước được bổ nhiệm để ban hành các luật quản lý. Các cơ quan lập pháp địa phương ở cấp tỉnh⁷⁰ có trách nhiệm trong việc ban hành các quy định địa phương và quy định tự trị. Chính quyền cấp tỉnh và các bộ có thể ban hành các điều lệ chính quyền địa phương (*difang zhengfu guizhang*) còn với các ủy ban trực thuộc Hội đồng nhà nước có thể ban hành các điều lệ hành chính (*bumen guizhang*). Các luật, quy định và điều lệ này thuộc về Hệ thống ban hành luật:

- Luật **tối cao**: Hiến pháp;
- Nguồn luật **chính**: luật quốc gia
- Nguồn luật **thứ 2**: các quy định về quản lý
- Nguồn luật **thứ 3**: quy định địa phương, quy định các vùng tự trị và các quy định cụ thể;
- Các văn bản được chính phủ **quy chuẩn**.

Cùng với Hiến pháp năm 1982, Luật đã phân loại các văn bản ban hành luật thành các luật, quy định quản lý. Ở đây các nguyên lý cơ bản gồm có 3 phần: (1) Hiệu lực pháp lý của các văn bản lập pháp dựa vào các vị trí quản lý của chính quyền; (2) ở mức tương đương, luật hoặc quy định được ban hành bởi các cơ quan lập pháp có quyền cao hơn so với luật hoặc quy định được ban hành bởi các cơ quan chính phủ; và (3) các quy định đặc biệt (ví dụ như các quy định tự trị hoặc các quy định SEZ) có ưu thế hơn so với các quy định chung cùng thuộc phạm vi xem xét.

Vai trò của Bộ tư pháp trong việc ban hành luật: Hội đồng nhà nước là cơ quan ban hành luật tích cực nhất ở Trung Quốc, tích cực hơn nhiều so với các cơ quan lập pháp cả nước (ví dụ như NPC và Ủy ban thường trực)⁷¹, nhưng Bộ Tư pháp không phải nhận trách nhiệm về các chức năng ban hành luật của Hội đồng nhà nước. Hội đồng nhà nước có một văn phòng luật riêng được phát triển thành Văn phòng các vấn đề luật pháp của Hội đồng nhà nước vào năm 1998. Năm 1982, nhiệm vụ soạn thảo và thi hành luật của Bộ Tư pháp đã được

⁷⁰ Bao gồm cả các cơ quan trong Khu vực kinh tế đặc biệt và các thành phố khá lớn theo tiêu chuẩn của Hội đồng nhà nước.

⁷¹ Xem Jianfu Chen, bản ghi 65, trang 5.

chuyên cho văn phòng luật. Văn phòng các vấn đề luật pháp hiện nay hoạt động với tư cách một văn phòng cấp bộ trực thuộc Hội đồng nhà nước. Do vậy theo một số cách hiểu thì Văn phòng cũng có chức năng như Bộ lập pháp.

Theo Luật về ban hành luật và các sắp xếp dành cho Văn phòng các vấn đề luật pháp của Hội đồng nhà nước, Bộ Tư pháp chỉ có trách nhiệm về việc ban hành luật có liên quan tới các điều lệ hành chính của Bộ trong phạm vi pháp lý của Bộ. Về vấn đề chức năng ban hành luật thì trong trường hợp này, Bộ tư pháp có quyền ngang với các bộ, ủy ban và văn phòng khác của Hội đồng nhà nước. Năm 2011, Bộ tư pháp đã ban hành 71 bộ luật hành chính đưa ra quy định về các vấn đề nằm trong phạm vi quyền hạn của bộ⁷².

Nhìn chung, chức năng của Bộ Tư pháp Trung Quốc trong hoạt động lập pháp cũng gần giống với chức năng tương tự của Bộ Tư pháp Việt Nam.

Bộ Tư pháp Cộng hoà Pháp có nhiệm vụ soạn thảo các dự án luật nằm trong phạm vi của mình. Tuy nhiên, khi đối tượng của dự án nằm trong khái niệm “luật” được định nghĩa tại điều 34 của Hiến pháp, để được thông qua, dự thảo phải được phê chuẩn bởi quốc hội, sau khi vượt qua được sự xem xét tại 2 viện (Quốc hội và Thượng viện) vào cuối một quá trình dài thính thảo, khi mà dự thảo cứ gửi qua gửi lại giữa 2 viện bởi một vài khác biệt nhỏ.

Kết quả là, việc hoàn thiện dự thảo tại quốc hội nằm ngoài tầm kiểm soát của Bộ, nơi khởi nguồn dự thảo.

Song song với chức năng xây dựng pháp luật là **chức năng tư vấn cho Chính phủ về các vấn đề liên quan tới xây dựng pháp luật**. Pháp và Trung Quốc giống nhau ở chỗ chức năng này không thuộc Bộ Tư pháp. Ở Pháp, chức năng tham mưu cho Chính phủ về các vấn đề pháp luật thuộc về Tham chính viện. Hiến pháp của Pháp quy định hai tình huống: tham vấn bắt buộc và tham vấn không bắt buộc. Theo điều 39 Hiến Pháp, Hội đồng Nhà nước bắt buộc phải xem xét mọi dự thảo luật trước khi được thông qua tại Hội đồng Bộ trưởng và đưa ra Nghị viện. Theo điều 38 Hiến Pháp, Hội đồng Nhà nước bắt buộc phải xem xét mọi dự thảo Pháp lệnh trước khi được thông qua tại Hội đồng Bộ trưởng. Các Sắc lệnh về Hội đồng Nhà nước chỉ có thể được đưa ra hay sửa đổi sau khi đã tham vấn Hội đồng Nhà nước. Chính phủ không buộc phải nghe theo ý kiến của Hội đồng Nhà nước nhưng Chính phủ sẽ chỉ được ban hành Văn bản được Hội đồng nhà nước thông qua hoặc Chính phủ sẽ phải đệ trình các dự án ra Hội đồng nhà nước. Trong tất cả các trường hợp khác việc lấy ý kiến của Hội đồng Nhà nước là không bắt buộc nhưng Chính phủ vẫn có thể đệ trình một văn bản lên Hội đồng Nhà nước để lấy ý kiến nếu thấy cần. Mặt khác, chính phủ có thể tham vấn Hội đồng Nhà nước về một vấn đề pháp lý đặc biệt để được Hội đồng làm sáng tỏ. Một ví dụ đã xảy ra vào năm

⁷² Xem Hao Qiyong, bản ghi 49, trang 8

1989 khi, lần đầu tiên, vấn đề về tính phù hợp giữa việc mang khăn đạo Hồi và nguyên tắc phi tôn giáo của nhà trường đã được đưa ra. Trong khi đó Bộ Tư pháp Canada đóng vai trò tương đối quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ pháp lý cho các cơ quan của Chính phủ.

Liên quan tới hoạt động xây dựng pháp luật còn có một mảng công tác là **thông tin và phổ biến pháp luật**. Các Bộ Tư pháp có thẩm quyền tham gia xây dựng pháp luật đều có chức năng này. Bộ Tư pháp của Pháp có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình thông tin tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong toàn quốc, đồng thời thực hiện quản lý nhà nước về mặt công tác này thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Bộ Tư pháp của Đức và Thụy Điển đều chịu trách nhiệm về việc xuất bản các văn bản pháp luật. Bộ Tư pháp Nhật Bản cũng được giao nhiệm vụ tổ chức xuất bản các tập văn bản pháp luật đang có hiệu lực.

GIÁM SÁT THI HÀNH LUẬT PHÁP VÀ THỰC HIỆN CỘNG TỐ

Mô hình tổ chức hoạt động này ở ba nước có khác biệt nhau.

Ở Canada và Trung Quốc, chức năng giám sát thi hành luật pháp và thực hiện quyền công tố được giao cho các cơ quan khác, không phải là Bộ Tư pháp. Ở Canada, cơ quan được giao trách nhiệm này là Cơ quan công tố, còn ở Trung Quốc, tên gọi của cơ quan này là Viện kiểm sát. Mô hình của Pháp lại đặt cơ quan công tố trong Bộ Tư pháp như sẽ phân tích dưới đây.

Ở Canada, ít nhất ở cấp độ liên bang, lý do để loại bỏ chức năng này khỏi Bộ Tư pháp và chuyển giao nó cho một thiết chế mới độc lập thực hiện là tính minh bạch và sự độc lập cần thiết của cơ quan chịu trách nhiệm cho chức năng này. Một chú ý thú vị là, ở cấp liên bang, cơ sở pháp lý thành lập vị trí Giám đốc công tố từng là một phần của một đạo luật lớn hơn nhiều của Quốc hội xử lý trách nhiệm liên bang. Cũng đáng chú ý là một thực tế rằng vị trí Giám đốc công tố được tạo ra theo Phần III của đạo luật có tên *Văn phòng Giám đốc công tố, hành chính minh bạch và công khai việc làm sai (Office of the Director of Public Prosecutions, Administrative transparency and Disclosure of Wrongdoing)*. Chính phủ khi muốn phân định việc truy tố sẽ được thực hiện độc lập với mọi sự can thiệp từ các bộ phận khác của Bộ Tư pháp bằng việc có người đứng đầu DPP tổ chức riêng biệt của mình và chịu trách nhiệm trực tiếp và duy nhất đối với Tổng Chương lý .

Cơ cấu tổ chức của đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng công tố ở Canada được thực hiện bởi một thiết chế riêng biệt, báo cáo trực tiếp cho Tổng Chương lý. Ở Ontario, các luật sư hoàng gia là một phần của Bộ Tổng Chương lý. Một luật sư hoàng gia được chỉ định cho mỗi bang và cấp quận trong bang, và được sự hỗ trợ của trợ lý luật sư hoàng gia. Các luật sư

hoàng gia hành động theo chỉ đạo của Phó Tổng Chưởng lý, trong khi các trợ lý luật sư hoàng gia hoạt động dưới sự chỉ đạo của một luật sư hoàng gia⁷³.

Vai trò của Bộ Tư pháp trong việc thực hiện chức năng công tố ở Canada chủ yếu giới hạn ở việc cung cấp tư vấn pháp lý cho cảnh sát khi họ điều tra tội phạm hình sự, để tiến hành phiên điều trần bảo lãnh, kiểm tra việc buộc tội để xác định phương pháp thích hợp tố tụng và dự kiến kết quả, tham gia vào các cuộc thảo luận lời khai với bị cáo và luật sư bào chữa, để tiến hành thử nghiệm, yêu cầu hình phạt/bản án thích hợp sau khi phát hiện có tội phạm hoặc yêu cầu tội phạm, và tiến hành kháng cáo⁷⁴.

Ở cấp độ liên bang, Trợ lý Phó Tổng Chưởng lý, người đứng đầu các bộ phận truy tố liên bang là một phần của Bộ Tư pháp cho tới năm 2006, báo cáo trực tiếp tới Tổng Chưởng lý. Nhiều chuyên gia đã không nhìn thấy bất kỳ lợi thế đặc biệt trong việc loại bỏ chức năng này khỏi Bộ và thiết lập một thực thể riêng biệt chịu trách nhiệm cho vụ truy tố của liên bang. Nguyên nhân của Quyết định này thể hiện động cơ chính trị nhiều hơn bất cứ gì lý do nào khác. Nhưng người ta phải thừa nhận rằng xuất hiện trong trường hợp này có thể cũng quan trọng như thực tế.

Tại **Trung Quốc**, liên quan tới công tác thực thi pháp luật (ngoại trừ Hiến Pháp), một hệ thống hỗ trợ và giám sát trung gian được thiết lập: theo điều 135 của Hiến pháp, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan công an có nhiệm vụ phối hợp đồng thời kiểm tra lẫn nhau nhằm bảo đảm tính chính xác và hiệu quả trong công tác thi hành luật. Theo như định nghĩa cụ thể trong điều 129 của Hiến Pháp, viện kiểm sát nhân dân là cơ quan nhà nước phụ trách giám sát thi hành luật.

Quá trình phát triển của hệ thống kiểm sát tại Trung Quốc không diễn ra một cách trơn tru và định nghĩa về nó “là một phần của bộ máy tư pháp” vẫn đang là vấn đề gây tranh cãi. Đây là mô hình cơ quan được du nhập từ Liên Xô cũ và được thành lập lần đầu năm 1932 tại vùng kiểm soát của lực lượng cộng sản phía nam TQ. Cơ quan này là 1 phần của bộ máy xét xử và nằm trong hệ thống tòa án⁷⁵ và còn là một cơ quan tách biệt (khỏi tòa án) của nhà nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa (PRC), được thành lập theo luật cơ bản của chính phủ trung ương nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa, ban hành ngày 27 tháng 9 năm 1949.⁷⁶ Cơ quan này có nhiệm vụ đảm bảo công tác giám sát luật chặt chẽ được thực hiện bởi các cơ quan chính phủ, công chức nhà nước và cả người dân.⁷⁷

⁷³ Xem các điều 1 và 2 của Luật Trưởng lý Hoàng gia, R.S.O., 1990, c.49.

⁷⁴ Xem website của Bộ Tổng Trưởng lý Ontario (www.attorneygeneral.jus.gov.on.ca), Các văn phòng của trưởng lý Hoàng gia.

⁷⁵ Xem Sun Yaqu, bản ghi 17, chương 37.

⁷⁶ Xem Sun Yaqu, bản ghi 17, chương 52

⁷⁷ Xem Sun Yaqu, bản ghi 17, chương 52

Hiến pháp năm 1954 đã nêu sự thiết lập cấu trúc hiến pháp theo mô tả trong giản đồ phác thảo ở Mục 3; theo đó, xếp sau Hội đồng Nhân Dân sẽ là Hội đồng Nhà nước, tòa án nhân dân tối cao và viện kiểm sát nhân dân tối cao, với 3 cơ quan xếp sau có trách nhiệm giải trình trước PRC. Khác với hệ thống tòa án, Luật cơ bản về viện kiểm sát nhân dân trong Hiến Pháp 1954 quy định viện kiểm sát sẽ chịu trách nhiệm trong công tác tự quản lý, trong khi việc “quản lý tư pháp” của tòa án sẽ được Bộ Tư pháp đảm nhiệm.

Như đã đề cập ở trên, bộ Tư pháp đã giải thể vào năm 1959; và từ năm 1961, các cơ quan liên ngành được thành lập phục vụ cho tòa án, viện kiểm sát, và cơ quan công an (cảnh sát). Trong hệ thống các cơ quan liên ngành này, nhiều công việc pháp lý đã được cảnh sát đảm nhiệm. Tháng 12 năm 1968, hệ thống kiểm sát chính thức bị giải thể.⁷⁸

Năm 1979, luật cơ bản về Viện kiểm sát Nhân Dân được thông qua, và hệ thống kiểm sát được tái lập. Hệ thống này từ đó phát triển mạnh mẽ.

Theo Luật cơ bản, chức năng chủ yếu của hệ thống kiểm sát Trung Quốc bao gồm:

- Khởi tố đại diện cho Nhà nước
- Thực hiện chức năng và quyền lực giám sát đối với công tác thi hành luật.
- Trực tiếp điều tra những vụ án liên quan tới hối lộ, xâm phạm quyền dân chủ của công dân, không làm tròn nghĩa vụ, và những vụ án cần được xử lý trực tiếp.⁷⁹

Ở **Pháp**, hoạt động công tố cũng nằm trong phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp. Cơ quan công tố được tổ chức nguyên tắc cấp bậc và tập trung hóa, có nghĩa là Bộ Tư pháp phải đảm bảo rằng chính sách hình sự được xây dựng bởi các dịch vụ thuộc Bộ phải được thực thi trên tất cả các tòa án nước Pháp. Mỗi tòa có cơ quan công tố riêng, được điều hành bởi một công tố viên ở tòa án cấp thứ nhất và một công tố viên chung ở tòa phúc thẩm.

Tuy nhiên, chúng ta phải chú ý rằng bên cạnh công tố viên, bất kể một cá nhân nào tố cáo hành vi phạm tội cũng có thể bắt đầu tiến trình công tố. Cá nhân này phải làm đơn, mang đến cho thẩm phán điều tra. Một nhóm các nạn nhân có thể cùng tố cáo một hành vi phạm tội trong một số điều kiện nhất định.

Cuối cùng, một công chức, trong một số trường hợp cụ thể có thể bắt đầu tố cáo; đặc biệt là trong trường hợp viên chức đó quản lý thuế gián thu, cầu đường, rừng và nước.

Trong một số vụ việc, cần phải lưu ý rằng sự tham gia của công tố viên trong các vụ việc hình sự là cần thiết. Công tố viên là người chuyển vụ án đến tòa kể cả khi mà nạn nhân là người bắt đầu tố cáo.

⁷⁸ Xem Sun Yaqun, bản ghi 17, hai chương 56-57

⁷⁹ Phạm vi quyền hạn của công tác điều tra trực tiếp được xác định trong Luật tố tụng hình sự và các quy định điều chỉnh phạm vi điều tra trực tiếp của Viện kiểm sát Nhân Dân, được Viện kiểm sát Nhân Dân tối cao ban hành năm 1998

Tổ chức hiện nay của Viện công tố được xem như hiệu quả bởi việc cho phép Bộ trưởng thực hiện các chính sách hình sự trên toàn lãnh thổ nước Pháp cùng việc luân chuyển nội bộ trong mỗi tòa án.

Tuy nhiên, mặc dù thực tế rằng các Công tố viên đều là thành viên của cùng một tổ chức giống như các thẩm phán, sự độc lập của họ trước nhánh hành pháp vẫn là một vấn đề cần giải quyết.

Các hình thức bổ nhiệm này không tránh khỏi những lời chỉ trích; cụ thể khi mà các công tố viên được bổ nhiệm bởi hội đồng các bộ trưởng và có thể bị bãi miễn “vì lợi ích dịch vụ” chống lại mong muốn của họ. Tuy nhiên, một sự thay đổi đáng kể đã diễn ra gần đây, đó là sự ra đời của Hiến pháp ngày 23/07/2008: sự thay đổi thành phần của hội đồng Tư pháp tối cao, một tổ chức độc lập ảnh hưởng đến sự bổ nhiệm các thẩm phán (xem dưới đây), đã quy định rằng sự đề cử những công tố viên chung nên được đưa lên để Hội đồng thông qua, giống như là đối với các công tố viên khác. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến và không ràng buộc Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Theo cách tương tự, Bộ trưởng được quyền có các biện pháp kỉ luật đối với các công tố viên, chứ không phải là hội đồng tư pháp tối cao giống như đối với thẩm phán (quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể bị khiếu nại ra trước tòa hành chính nhằm ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực)

Đối với một số người, kể cả trong nhánh Tư pháp, mong muốn rà soát sâu sắc hơn về cách thức bổ nhiệm công tố viên, cho phù hợp với việc bổ nhiệm thẩm phán. Do đó, trong phiên điều trần đầu năm, vào thứ 6, ngày 07/01/2011, M.jean-Loui Nadal, Chánh Công tố viên của Tòa án Tối cao “Cour de cassation”, đề cập đến quan điểm pháp lý của tòa án nhân quyền châu âu nhận xét rằng “(...)thứ xuất hiện táo bạo hôm nay sớm hay muộn sẽ được coi là bình thường. Và để làm việc đó xảy ra, giải pháp duy nhất là cắt đứt tất cả các liên kết giữa các cấp chính trị và cơ quan công tố ví dụ như liên quan đến bổ nhiệm đề cử công tố viên.”

VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TÒA ÁN ĐỊA PHƯƠNG NHẪM ĐẢM BẢO TÍNH ĐỘC LẬP CỦA TÒA ÁN.

Vấn đề quản lý các tòa án địa phương có nhiều khác biệt giữa các quốc gia được nghiên cứu. Trong khi ở Canada, Bộ Tư pháp chỉ tham gia vào việc bổ nhiệm thẩm phán thì ở Trung Quốc, Bộ Tư pháp lại hoàn toàn không có vai trò gì trong tổ chức và hoạt động của các tòa án (tuy nhiên, tại Trung Quốc hiện nay cũng có xu hướng trao chức năng quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức cho Bộ Tư pháp). Bộ Tư pháp của Pháp có vai trò lớn hơn cả trong việc quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức: hàng loạt đạo luật của Pháp có quy

định về từng khía cạnh khác nhau về việc thực hiện chức năng này (chẳng hạn luật quản lý tài chính), song song với đó, trong cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp Pháp cũng có một đơn vị riêng chịu trách nhiệm về vấn đề quản lý các toà án về mặt tổ chức. Mô hình tổ chức này của Bộ Tư pháp Pháp cũng gần giống mô hình của Việt Nam khoảng 10 năm trước đây.

Ở **Canada**, nguồn pháp luật cho chức năng đặc thù này, ở cấp liên bang là: Đạo luật Tòa án Tối cao Canada⁸⁰, Đạo luật Tòa Án Hành chính⁸¹, và Đạo luật Thẩm phán⁸²; ở cấp tỉnh là: Đạo luật Tòa án Tư pháp Ontario⁸³ và Đạo luật Tòa án Tư pháp Quebec⁸⁴.

Thẩm phán, cả cấp liên bang và cấp tỉnh luôn được bổ nhiệm bởi Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hay Tổng Chương lý) hoặc Thủ tướng Chính phủ (hay Thống đốc, tại các bang). Những việc bổ nhiệm tư pháp từng mang tính chính trị sâu sắc (tức là bổ nhiệm người thân cận, những người có trách nhiệm rằng họ là những người ủng hộ đảng cầm quyền) và gần như đơn giản là vấn đề bảo lãnh⁸⁵. Việc bổ nhiệm tư pháp vẫn mang tính chính trị ở chỗ nó được thực hiện bởi các chính trị gia bậc thầy ngày nay, nhưng mọi thứ đã thay đổi đáng kể. Ngày nay, bổ nhiệm tư pháp được thực hiện từ một danh sách các ứng cử viên được giới thiệu được chuẩn bị bởi ủy ban bổ nhiệm tư pháp⁸⁶. Thủ tục này áp dụng với tất cả các cuộc bổ nhiệm tư pháp, dù đó là ở cấp chính phủ liên bang hay cấp bang (ít nhất là ở Ontario và Quebec) nhưng không áp dụng để bổ nhiệm thẩm phán Tòa án Tối cao Canada (đặc quyền của Thủ tướng Chính phủ).

Tòa án liên bang bao gồm Tòa án Tối cao Canada, có bộ máy hành chính do mình quản lý⁸⁷. Tòa án Tối cao được hỗ trợ bởi các ủy viên về các vấn đề tư pháp liên bang, người hoạt động như thứ trưởng của Bộ Tư pháp theo quy định của phần I của Đạo luật Thẩm phán⁸⁸ trong đó quy định về quyền và thiết lập bảng lương cho thẩm phán của Tòa án cấp cao của Canada (tất cả những thẩm phán được bổ nhiệm ở cấp liên bang), phụ cấp đi lại và các chi phí khác, lương hưu... Ủy viên vấn đề tư pháp liên bang cũng liên quan đến hoạt động và

⁸⁰ R.S.C., 1985, c. S-26.

⁸¹ S.C., 2002, c. 8.

⁸² R.S.C., 1985, c. J-1.

⁸³ R.S.O., 1990, c. C.43.

⁸⁴ R.S.Q., c. T-16.

⁸⁵ *Op. cit.*, note 10 *supra*, p. 17.

⁸⁶ Xem Luật về Tòa án Ontario, R.S.O., 1990, c. C.43, điều 42 đến 48; xem thêm Luật Tòa án tư pháp của Quebec, R.S.Q., c. T-16, Điều 88. Tổ tụng tương tự như cấp liên bang, không được quy định trong luật (xem website của Văn phòng ủy viên về các vấn đề tư pháp liên bang, tại www.fja.gc.ca, Quy trình xin bổ nhiệm)

⁸⁷ Tòa tối cao Canada có một Người lưu giữ chịu sự lãnh đạo của Chánh án trông coi mặt hành chính của Tòa án (xem Luật Tòa án tối cao của Canada, R.S.C., 1985, c. S-26, các điều từ 12 đến 21). Các tòa như Tòa án Phúc thẩm liên bang, Tòa án liên bang, Tòa án thuế, Tòa án chiến tranh chịu quản lý hành chính chung (xem, Luật quản lý Tòa án S.C., 2002, c. 8).

⁸⁸ R.S.C., 1985, c. J-1, s. 74.

thủ tục của ủy ban được thành lập ở mỗi tỉnh để đưa ra những đề cử cho việc bổ nhiệm tư pháp liên bang.

Ở cấp liên bang Bộ Tư pháp Canada có một bộ phận được gọi là Vụ công tác tư pháp (judicial affair), Bộ phận tòa án và chính sách tòa án, đóng một vai trò tư vấn pháp lý cũng tư vấn chính sách về tất cả các vấn đề liên quan đến tư pháp và Tòa án Canada nhưng Bộ phận này không liên quan đến quản lý thực tế của Tòa án.

Ở Ontario, đạo luật Tòa án Tư pháp quy định rằng Tổng Chương lý giám sát tất cả các vấn đề liên quan đến quyền hạn của Tòa án, khác hơn so với các vấn đề được quy định bởi pháp luật cho cơ quan tư pháp (ví dụ thẩm quyền chỉ đạo và giám sát các phiên họp và sự phân công các nhiệm vụ tư pháp của tòa án, những vấn đề liên quan đến giáo dục, hành xử và kỷ luật của thẩm phán, và các vấn đề được giao cho ngành Tư pháp bởi một văn bản ghi nhớ được ký giữa Tổng Chương lý và tòa án⁸⁹. Ở Quebec một nhánh của Bộ Tư pháp quản lý các nguồn lực cần thiết cho hoạt động chính của Tòa án⁹⁰.

Về vấn đề hành xử và kỷ luật, theo yêu cầu của Bộ trưởng Tư pháp Canada hoặc Tổng Chương lý của một trong các bang, Hội đồng tư pháp Canada, được đứng đầu bởi Chánh án Tòa án tối cao Canada và bao gồm các Chánh án và các Chánh án liên danh của mỗi Tòa án cấp cao phải thực hiện một cuộc điều tra để xem xét một thẩm phán của Tòa án cấp cao nó nên bị cách chức vì sai phạm hay vì bất kì một lí do nào khác được quy định trong đạo luật thẩm phán và sẽ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp kết quả cuộc điều tra. Hội đồng tư pháp Canada cũng có thể quyết định điều tra bất cứ khiếu nại, tố cáo được thực hiện trong sự tôn trọng đối với một thẩm phán Tòa án tối cao. Hội đồng có thể đề nghị thẩm phán tòa án tối cao bị cách chức. Thẩm phán Tòa án tối cao chỉ có thể bị cách chức bởi một nghị quyết của Quốc Hội⁹¹.

Các bang Ontario và Quebec cả hai đều có một Hội đồng tư pháp có vai trò tương tự như Hội đồng tư pháp Canada với sự tôn trọng giành cho các thẩm phán được bổ nhiệm cấp bang⁹². Quá trình bổ nhiệm tư pháp cũng tương tự ở cấp liên bang.

Cuối cùng, như đã thảo luận trước đó, Bộ trưởng Tư pháp Canada bổ nhiệm tất cả các thẩm phán tòa án cấp cao, ngoại trừ thẩm phán Tòa án tối cao được bổ nhiệm bởi Thủ tướng chính phủ. Giám đốc sở Tư pháp cấp bang bổ nhiệm tất cả các thẩm phán cấp bang. Các đơn vị của họ không có vai trò đối với các cuộc bổ nhiệm tư pháp

⁸⁹ R.S.O., 1990, c. C.43, s. 72.

⁹⁰ Xem website của Sở Tư pháp Quebec (www.justice.gouv.qc.ca), cấu trúc quản lý

⁹¹ Xem luật Thẩm phán, R.S.C., 1985, c. J-1, điều 59 đến 71.

⁹² Xem luật Tòa án tư pháp, R.S.O., 1990, c. C.43, các điều 49 đến 51.12, và Luật Tòa án Tư pháp Quebec, R.S.Q., c. T-16, các điều 247 đến 281.

Theo quan điểm của chuyên gia, để đảm bảo sự độc lập tư pháp toàn vẹn tư nhất có thể, bổ nhiệm tư pháp không nên còn là đặc quyền duy nhất của hành pháp (các chính trị gia). Các thẩm phán nên được bổ nhiệm bởi ngành tư pháp (ví dụ bởi Chánh án tòa án cho một vị trí để tuyển dụng) hay bởi một cơ quan được đứng đầu bởi Chánh án của Tòa án với mong muốn tuyển dụng một vị trí và có thể bao gồm một hội đồng gồm đại diện từ ba nhánh của Chính phủ.

Ở **Trung Quốc**, không giống cấu trúc phân cấp của hệ thống Viện Kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước **Đại hội người dân** ở các cấp tương ứng, và không có mối quan hệ lãnh đạo giữa tòa án cấp cao hơn và các tòa án cấp thấp hơn. Ít nhất là về mặt lý thuyết, điều này có nghĩa là các cơ quan lập pháp ở các cấp tương ứng phải chịu trách nhiệm cho việc bổ nhiệm thẩm phán; chính quyền các cấp tương ứng chịu phải trách nhiệm tài trợ cho các tòa án, và tòa án chịu trách nhiệm cho tất cả các vấn đề hành chính của họ.

Như đã đề cập, Bộ Tư pháp không còn bất kỳ vai trò nào trong chính quyền tòa án.

Như đã đề cập, một số học giả đã xem việc chuyển giao chức năng hành chính tư pháp, của ngành tư pháp thuộc Bộ Tư pháp, cho hệ thống tòa án là hành động không hợp hiến. **Và kết quả thực tế là sự quan liêu rất lớn ở các tòa án thuộc tất cả các cấp**, tới mức, trong một số phiên tòa, gần một nửa số thẩm phán không được tham gia vào các công việc quan trọng của tòa án- công việc xét xử.⁹³ Điều này đã dấy lên rất nhiều câu hỏi lớn về tính hiệu quả khi chỉ sử dụng một nguồn lực tư pháp hạn chế. **Việc chính quyền kiểm soát cả tài chính lẫn nhân lực cho ngành tư pháp là nguyên nhân chính dẫn tới chủ nghĩa bảo hộ, làm suy yếu nghiêm trọng các khái niệm về độc lập tư pháp và sự tôn trọng tòa án.**⁹⁴ Hơn nữa, ở góc độ kỹ thuật, một câu hỏi khác được đặt ra là liệu tòa án có nên tham gia công tác cưỡng chế thi hành các quyết định và phán quyết tư pháp hay không, một khi họ được giao nhiệm vụ.⁹⁵

Tóm lại, các học giả Trung Quốc đang có những kiến nghị về việc chuyển giao công tác quản lý ngành tư pháp trở lại Bộ Tư pháp, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực tư pháp hạn chế, đảm bảo sự độc lập của ngành tư pháp, và nâng cao sự tôn trọng dành cho tòa án nói chung hay các đơn vị tòa án nói riêng.

Tất cả những vấn đề nảy sinh từ tổ chức và hoạt động của tòa án đều thuộc phạm vi quản lý của Vụ Dịch vụ Tư pháp. Như đã nêu ở trên, Vụ này được quy định thành lập theo Nghị định ngày 25/7/1964. Ngày nay, các chức năng của Vụ này được quy định tại chỉ thị ngày 9/7/2008.

⁹³ Xem Sun Yequn, bản ghi số 4, chương 27

⁹⁴ Để có thông tin chi tiết hơn về chủ nghĩa bảo hộ địa phương tại Trung Quốc, xem Jianfu Chen, bản ghi số 65, chương 18

⁹⁵ Xem Sun Yequn, bản ghi số 4, chương 27

Nhìn chung, Vụ Dịch vụ Tư pháp chịu trách nhiệm về các vấn đề dịch vụ tư pháp công. Do vậy, bộ phận này xác định nhu cầu của các tòa án liên quan đến cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Ngoài ra, Vụ này còn phân bổ công việc và nguồn tài chính cho người đứng đầu các tòa (chánh án và công tố viên) trong cả nước, tuân theo nhiều quy trình khác nhau.

Theo đó, tính độc lập của các tòa án – về cả địa vị và tài chính - được bảo đảm. Đầu tiên, Vụ Dịch vụ Tư pháp và Hội đồng Thẩm phán Cao cấp cùng có chức năng trong việc bổ nhiệm các thẩm phán. Ngoài ra, Vụ Dịch vụ Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện quy trình tài chính “phi tập trung” để đảm bảo tính độc lập về tài chính của người đứng đầu tòa án. Hai tiêu vụ cấp dưới của Vụ sẽ được giới thiệu ở phần sau.

Ở **Pháp**, văn bản quy định về tổ chức của Bộ Tư pháp chỉ rõ các nhiệm vụ nhân sự như việc bổ nhiệm Thẩm phán và Công tố viên được thực hiện tùy thuộc vào Hội đồng Thẩm phán cấp cao, cơ quan độc lập với hành pháp. Do đó, Bộ Tư pháp và Hội đồng Thẩm phán cấp cao đều tham gia vào quá trình bổ nhiệm thẩm phán và công tố viên. Sự thống nhất các tổ chức Tư pháp, như đã nói, dẫn đến việc gọi chung cả thẩm phán và công tố viên bằng thuật ngữ “magistrats”. Sự thống nhất này cũng dẫn đến một sự thật là chỉ một bộ có trách nhiệm chuẩn bị cho việc đề cử và tiến cử tất cả “magistrates” dù là công tố hay thẩm phán.

Trong cả năm dương lịch, Vụ Dịch vụ Tư pháp của Bộ Tư pháp chuẩn bị dự thảo về vấn đề bổ nhiệm các Thẩm phán và Công tố viên. Các dự thảo này được đệ trình lên Hội đồng Thẩm phán Cấp cao. Trường hợp bổ nhiệm các thẩm phán, quyền đề cử được trao cho Vụ Dịch vụ Tư pháp và Hội đồng Thẩm phán cấp cao cho ý kiến về các đề cử là “phù hợp” hoặc “không phù hợp”. Trong trường hợp ý kiến là “không phù hợp”, đề cử bị phủ quyết. Trong trường hợp bổ nhiệm công tố viên, Hội đồng Thẩm phán Tối cao chỉ có thể nêu ý kiến là “tín nhiệm” hoặc “không tín nhiệm” nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về Bộ Tư pháp.

Hội đồng Tư pháp Cấp cao có quyền đề cử thẩm phán cho các vị trí tại Tòa Giám đốc thẩm bao gồm: chánh án thứ nhất, chánh án văn phòng, thẩm phán, thẩm phán biệt phái, thẩm phán trợ lý, và kiểm toán viên. Hội đồng cũng đề cử việc bổ nhiệm chánh án thứ nhất tòa phúc thẩm, chánh án tòa sơ cấp. Quyền này được trao cho Hội đồng từ Hiến pháp 27/07/1993. Nhằm thực hiện nhiệm vụ trên, Hội đồng thẩm phán Cấp cao có toàn quyền; Hội đồng nhận đơn, nghiên cứu hồ sơ của các ứng viên, phỏng vấn một số người và đưa ra kết luận.

Từ Hiến pháp 23/07/2008, Bộ Tư pháp đã phải trình đề cử vị trí chánh công tố viên lên Hội đồng Thẩm phán Cấp cao. Trước đó, vị trí này được bổ nhiệm bởi Hội đồng Bộ trưởng. Hội đồng Thẩm phán xem xét hồ sơ của ứng viên được Bộ Tư pháp đề cử và cả những người mà Bộ Tư pháp đã từ chối, đặc biệt là những hồ sơ mà Bộ Tư pháp đã đưa ý kiến bình luận.

Luật tổ chức tài chính (LOLF) ban hành ngày 01/01/2006 đã đưa ra một khung ngân sách mới cho chi tiêu công. Ngân sách Nhà nước được chia ra các nhiệm vụ (32 nhiệm vụ năm 2011) là các chính sách cần thiết cho Nhà nước, và các chương trình (124 chương trình năm 2011) là các hành động cụ thể. Các chương trình này được quản lý và phân bổ ngân sách bởi một bộ trưởng và được thực hiện bởi một người quản lý. Người phụ trách chương trình được bổ nhiệm bởi Bộ trưởng Bộ nào được hưởng lợi nhiều nhất từ chương trình.

Người đứng đầu của Vụ Dịch vụ Tư pháp là người chịu trách nhiệm cho chương trình 166 “công bằng tư pháp” nhiệm vụ “Công bằng”. Người đó chịu trách nhiệm thực hiện thí điểm phân bổ ngân sách nhà nước theo chương trình 166 và phải giám sát việc thực hiện nó trong khuôn khổ các chương trình ngân sách hàng năm. Các bộ phận trung ương của Vụ Dịch vụ Tư pháp tham gia chương trình quản lý thuộc thẩm quyền người phụ trách. Họ lên kế hoạch cho ngân sách chương trình 166 “công bằng tư pháp”.

Người phụ trách chương trình dựa vào trên chuyên tiếp hoạt động, các nhà quản lý địa phương những người hứng thú quản lý linh hoạt theo cấp độ riêng. Chủ tịch đầu tiên và các công tố viên cùng chịu trách nhiệm liên đới đối với ngân sách hoạt động chương trình của họ. Vì vậy, họ chuẩn bị dự thảo ngân sách của tòa phúc thẩm sau khi nhận định kết quả đạt được phù hợp với mục tiêu chiến lược của chương trình được áp dụng trong phạm vi tòa án cấp phúc thẩm và các phương tiện tài chính để tiếp cận. Họ thực hiện và kiểm tra kế hoạch dài hạn và thực hiện các điều chỉnh cần thiết theo thời gian. Họ phải báo cáo với người phụ trách chương trình phê duyệt ngân sách chương trình hoạt động và giám sát thực hiện.

Người quản lý kinh phí đã được phân cấp là người đứng đầu tòa án trên mức lương của nhân viên biên chế và không biên chế (nhân viên hợp đồng và bán thời gian) của tòa án trong thẩm quyền của mình, chi phí duy trì và hoạt động của tòa án, chi tiêu liên quan đến án phí trong quyền hạn, tiêu dùng và doanh thu liên quan đến đầu tư bất động sản (nhiều nhất lên tới 60.000 Euro).

Hàng năm, Bộ phận dịch vụ tư pháp tổ chức các cuộc họp có tên “hội thoại quản trị” với các tòa án. Họ xây dựng các thảo luận định kỳ giữa người chịu trách nhiệm chương trình ở Bộ Tư pháp và những người thực hiện chương trình ngân sách hoạt động tại tòa án; những người đứng đầu Tòa án báo cáo làm thế nào để sử dụng nguồn kinh phí và kết quả thu được trong các hoạt động (được đánh giá bằng cách so sánh với mục tiêu đề ra trong cuộc đối thoại quản trị năm trước đó). Người đứng đầu tòa án áp dụng ngân sách hàng năm cho năm tới và được đáp ứng bởi người đứng đầu các dịch vụ tư pháp cùng với dịch vụ các dịch vụ tư pháp và tòa án liên quan. Hội thảo tạo cơ hội để đánh giá ngân sách, hoạt động và hiệu suất thuộc phạm vi của Văn phòng và sàng lọc các ứng dụng ngân sách. Vào cuối các buổi hội thoại quản lý, Văn phòng hoàn tất các thủ tục trọng tài, chuẩn bị chương trình ngân sách ban đầu và thông báo tới mọi người chịu trách nhiệm của chương trình ngân sách hoạt động đã được phân bổ.

Để thực hiện chức năng quản lý các tòa án, trong thành phần của Bộ Tư pháp có Vụ Dịch vụ Tư pháp bao gồm Văn phòng Lãnh đạo Vụ, Trường Quốc gia “Greffes” (đăng ký viên) và bốn tiểu vụ: Tiểu vụ nguồn nhân lực và tư pháp, Tiểu vụ “greffes” quản lý công việc của các văn phòng đăng ký (đăng ký viên và thư ký tòa án), Tiểu vụ tổ chức và quản lý tòa án, Tiểu vụ hiệu suất và phương pháp.

- Phòng Nhân lực và Tư pháp

Tiểu vụ này chịu trách nhiệm tuyển dụng và quản lý hành chính các thẩm phán và công tố viên, đối tượng quản lý của Hội đồng Thẩm phán Cao cấp (xem phần trên) gồm các công việc cụ thể như chuẩn bị các hồ sơ cho các quỹ hưu trí và lương hưu, soạn thảo và điều hành các chính sách quản lý nhân lực mà đơn vị chịu trách nhiệm, chuẩn bị các hồ sơ nguyên tắc của thẩm phán và công tố viên, đánh giá khối lượng công việc, chỉ định các chức vụ (bao gồm cả thẩm phán) và soạn thảo văn bản luật pháp và bồi thường liên quan đến thẩm phán và các công tố viên.

Tiểu vụ này gồm có bốn đơn vị nhỏ cùng nhau thực hiện các chức năng sau: phòng điều chuyển nội bộ, đánh giá và nâng cao chuyên môn, phòng trợ giúp và theo dõi luân chuyển cán bộ, chỉ định ra nước ngoài trong Bộ tư pháp, phòng quản lý địa vị và đạo đức nghề nghiệp, Phòng tuyển dụng, đào tạo và các vấn đề chung.

- Phòng tổ chức và quản lý Tòa án

Soạn thảo các văn bản liên quan đến tổ chức và quản lý của tòa án đồng thời đánh giá đối với các văn bản pháp lý hoặc các quy định có khả năng ảnh hưởng đến công việc của họ.

Soạn thảo tài liệu ngân sách, thu thập và đánh giá nhu cầu của dịch vụ tư pháp trên khía cạnh hoạt động và cơ sở vật chất, phân bổ các phương tiện thiết yếu cùng những người phụ trách ngân sách chương trình hoạt động và thực hiện quản lý tài chính nhân viên.

Tham gia các chính sách được thực hiện bởi thẩm quyền Bộ trong việc chịu trách nhiệm mua sắm của Tổng thư ký, thí điểm chính sách mua sắm cụ thể cho các dịch vụ tư pháp và giúp giảm án phí và những chi phí khác nhờ chuyên môn của mình.

Xác định các nhu cầu liên quan đến đầu tư phòng ốc và đảm bảo việc bảo trì các tòa nhà cho các dịch vụ tư pháp.

Lên kế hoạch và thực hiện các định hướng chính về chính sách an ninh tại các tòa án.

Để hoàn thành được các nhiệm vụ đã nêu trên, bộ phận này có 4 văn phòng: văn phòng pháp luật và tổ chức tư pháp, văn phòng hậu thành lập và an ninh tòa án, văn phòng án phí và tối ưu hóa chi phí, văn phòng quản lý ngân sách, kế toán và các công cụ tài chính. Văn phòng cuối cùng này thực hiện các thủ tục ngân sách để phân bổ nguồn lực cho các tòa (xây dựng dự toán, thực hiện và kế toán tiếp theo, tổ chức các cuộc “đối thoại quản lý” với người đứng đầu các tòa, người mà chịu trách nhiệm chương trình ngân sách” (xem bên trên)

- **Phòng hiệu suất và phương pháp** là xây dựng chiến lược và thống kê.

QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

Nhìn chung, Bộ Tư pháp các quốc gia được nghiên cứu hoặc không có vai trò, hoặc chỉ có vai trò tương đối hạn hẹp trong việc quản lý đăng ký hộ tịch.

Bộ Tư pháp Canada có một trung tâm đăng ký ly hôn như dự liệu tại Điều 26 của Luật Ly hôn⁹⁶. Thật vậy, Bộ Tư pháp Canada thành lập trung tâm đăng ký đó sau năm 1968, năm Luật Ly hôn được ban hành lần đầu tiên. Việc đăng ký bao gồm các bản ghi tất cả các cuộc ly hôn và kiến nghị ly hôn.

Còn ở Trung Quốc, đăng ký hộ tịch là một trách nhiệm chủ yếu được chia sẻ giữa Bộ Nội Vụ và Bộ Công an (cảnh sát). Các vấn đề đăng ký hộ tịch điển hình bao gồm đăng ký kết hôn, được giao cho các sở hộ tịch của chính quyền địa phương; đăng ký khai sinh và đăng ký khai tử, thuộc thẩm quyền của các sở công an.

Ban đầu, Bộ Dân sự được thành lập năm 1949, với tư cách là Bộ Nội Vụ của trung ương. Về sau, theo Hiến pháp 1954, cơ quan này trở thành Bộ Nội Vụ của nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa, nhưng đã bị giải thể năm 1959. Bộ Nội Vụ hiện tại được tái lập năm 1978.⁹⁷

Trong số rất nhiều chức năng của mình, Bộ Nội Vụ chịu trách nhiệm quản lý việc đăng ký của các tổ chức xã hội, kết hôn, ly hôn, và nhận con nuôi. Công việc thực tế được các sở nội vụ, thiết lập ở tất cả các cấp chính quyền, đảm nhiệm⁹⁸; nhưng trên thực tế, các cơ quan này là một phần của các tổ chức chính quyền địa phương.

Cơ sở pháp lý của thẩm quyền của Bộ Nội Vụ chủ yếu là những quy định của pháp luật và các quy định cụ thể cũng như sự ủy quyền của Hội đồng Nhà nước thông qua "kế hoạch ba quy định" được ban hành ở từng thời điểm.

Bộ Công an là một trong những Bộ vẫn còn đứng vững sau những bất ổn chính trị ở Trung Quốc và đã tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Quy định đăng ký hộ khẩu đã xác định một trong những chức năng của Bộ này là khai sinh và khai tử. Theo quy định này, công tác đăng ký khai sinh được thực hiện ở đồn cảnh sát địa phương, và giấy khai sinh sẽ do bệnh viện cung cấp. Tương tự như vậy, công tác đăng ký khai tử được thực hiện tại đồn cảnh sát địa phương thông qua quá trình hủy đăng ký hộ khẩu.

Vấn đề chính trong công tác đăng ký dân sự ở Trung Quốc hiện nay là không có một cơ quan đăng ký dân sự trung ương hoặc một cơ quan thống nhất; tất cả công tác đăng ký đều

⁹⁶ R.S.C., 1985, c. 3 (Phụ lục số 2).

⁹⁷ Xem trang web của Bộ : <http://www.mca.gov.cn> (truy cập lần cuối vào ngày 25-5-2012).

⁹⁸ Xem trang web: <http://www.mca.gov.cn/article/zwggk/jgggl/zyzz/> (truy cập lần cuối vào ngày 25-5-2012)

do cơ quan địa phương thực hiện mà không có sự tham gia của Bộ Nội Vụ lẫn Bộ Công An. Hơn nữa, Trung Quốc vẫn chưa thành lập được một hệ thống quốc gia thống nhất lưu trữ tất cả thông tin đăng ký, khiến công tác kiểm tra các chi tiết đăng ký trở nên vô cùng khó khăn.

Ở **Pháp**, Trong những năm sớm nhất của thế kỷ 18 (1803-1804), quản lý hộ tịch thuộc về Vụ Dân sự và Con dậu. Năm 1810, phòng này có 3 văn phòng phụ trách các vấn đề về dân sự và hình sự, nghề nghiệp của công chứng viên và tình trạng dân sự. Chức năng này luôn thuộc về Phòng này và hiện nay thì các vấn đề về hộ tịch được xử lý trong văn phòng về quyền công dân và gia đình, trong đó có cả giám sát tình trạng dịch vụ dân sự ngoại trừ các vấn đề về quản lý ngân sách và cập nhật các hướng dẫn chung liên quan đến hộ tịch.

Ngoài ra, ở địa phương, chức năng đăng ký hộ tịch được trao cho các cơ quan chính quyền địa phương. Ngày nay, các thị trưởng và trợ lý của họ vẫn có các cán bộ hộ tịch (Theo điều L.2122-32 của “**Code général des collectivités territoriales**”). Chức năng của bộ phận này vẫn còn được đặt dưới các cơ quan tư pháp, và các công tố viên có thể quan sát, thực thi. Nếu công tố viên tìm thấy trường hợp sơ xuất hoặc bất thường, họ có thể thực thi các hành động chống lại nó (Điều 52 của Bộ luật dân sự)

Nó cũng được đề cập là một phần quan trọng trong các hoạt động của công tố viên trong các vấn đề dân sự liên quan đến việc sửa chữa hay hủy bỏ các văn bản dân sự, mã hóa và thực hiện các quyết định của Pháp hoặc nước ngoài, các vấn đề về kết nối trong gia đình, giám sát sổ đăng ký hay sự phát hành các bản sao

QUẢN LÝ QUỐC TỊCH

Nhìn chung việc quản lý quốc tịch ở các quốc gia nghiên cứu không thuộc phạm vi thẩm quyền của Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp Canada chỉ có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ pháp lý cho các cơ quan liên bang khác và đã thực sự thành lập các đơn vị dịch vụ pháp lý chuyên môn (DLSU) cho hầu hết các cơ quan và các bộ của chính phủ, bao gồm Bộ Quốc tịch và Di trú (CIC). CIC DLSU là một phần của một trong các danh mục dịch vụ pháp lý được mô tả ở trên trong phần 1.3.1.2, với tên là Danh mục An toàn Công cộng, Quốc phòng và xuất nhập cảnh⁹⁹

Trung Quốc không có luật di trú hay một Bộ chuyên phụ trách các vấn đề liên quan tới di trú / công dân. Tuy nhiên, Trung Quốc đã có một số luật và các quy định về quốc tịch, xuất nhập cảnh, và hộ chiếu. Trách nhiệm quản lý các vấn đề trên được giao cho Bộ Công an, ngoại trừ công tác cấp hộ chiếu công vụ (bao gồm hộ chiếu ngoại giao) là trách nhiệm của Bộ Ngoại Giao.

⁹⁹ Xem website Bộ tư pháp Canada (www.justice.gc.ca), Phòng dịch vụ pháp lý, Quốc tịch và Nhập cư Canada – tháng 6 năm 2007

Ở Pháp, vấn đề về công dân luôn gắn liền với vấn đề quốc tịch và là sự chia sẻ trách nhiệm giữa Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp.

Về pháp lý thì pháp luật về quốc tịch nằm giữa luật công và luật tư. Quốc tịch là một trong những yếu tố mang tính chủ quyền của quốc gia, quyết định cấp quốc tịch cho ai và làm thế nào để được cấp quốc tịch. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố của pháp luật quy định tác nhân có các quyền liên quan đến bất động sản, quyền di chuyển tự do, quyền di trú và quyền liên quan đến gia đình hoặc luật thừa kế.

Luật pháp về quốc tịch là một vấn đề phức tạp và chính quyền có thẩm quyền xây dựng hệ thống luật pháp này cũng thay đổi rất nhiều theo thời gian.

Cho đến năm 1945, Bộ Tư pháp đã có các hướng dẫn cho các câu hỏi liên quan đến quốc tịch. Vào năm 1945, Bộ phụ trách các vấn đề về dân số (Nay là Bộ Nội vụ) có thẩm quyền quyết định ai được phép mang quốc tịch Pháp, và các thủ tục liên quan, tuy nhiên, việc thực hiện các giấy chứng nhận (chứng nhận quốc tịch) và Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm về các tranh chấp (văn phòng ứng phó với các tranh chấp liên quan đến quốc tịch đã được thành lập năm 1947)

Luật Pháp liên quan đến quốc tịch chịu sự chi phối của cả luật quốc gia và luật quốc tế. Thực tế là chủ quyền của nhà nước quy định việc cấp quốc tịch nhưng một số vấn đề về xung đột có thể sẽ phát sinh khi một công dân từ một nước hoặc vùng lãnh thổ xin cấp quốc tịch của Pháp. Đôi khi vấn đề việc mang hai quốc tịch cũng được tính đến và chấp nhận. Đôi khi, cũng có thể liên quan đến quan hệ pháp lý với nhà nước như vấn đề thất lạc giấy tờ.

Từ cuộc cải cách trong những năm 1993, Bộ Nội vụ là đơn vị duy nhất có thẩm quyền cấp quốc tịch (**naturalisation, reacquisition**) thông qua các sắc lệnh. Tuy nhiên, việc xem xét cấp quốc tịch theo khai báo bây giờ thuộc thẩm quyền của **“juge d’instance”** (cơ quan tòa án cấp thấp hơn) hoặc các tòa khai được thực hiện ở nước ngoài, trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Tư pháp, vẫn phụ trách các tranh chấp. Bằng việc thực hiện, xét quốc tịch theo hôn nhân vẫn còn được phụ trách bởi Bộ Nội vụ, nơi sẽ cấp giấy chứng nhận cho các trường hợp này.

Quốc tịch có thể được cấp do sinh đẻ, như là các vấn đề về nguồn gốc, huyết thống (**“jus sanguinis”**, quyền của huyết thống), hoặc nơi cư trú (**jus soli**, quyền về cư trú).

Kết quả này được hiểu theo 2 nghĩa nếu muốn có được quốc tịch Pháp

- Thông qua khai báo: dựa trên các giao dịch pháp lý để có thể được cấp quốc tịch Pháp, hoặc phải thực hiện các yêu cầu, các điều kiện và tình trạng của người xin cấp phù hợp với nghĩa vụ pháp lý của Pháp

- Theo quyết định của cơ quan công quyền: đây là quyết định được cấp bởi Giám đốc điều hành của bộ phận cấp quốc tịch (hoặc tái hòa nhập) theo sắc lệnh và theo yêu cầu của người nước ngoài. Chính phủ cũng có thể sẽ từ chối đơn xin nhập quốc tịch.

Trong số nhiều luật đã hình thành về quốc tịch Pháp, như luật ngày 9/10/1945, pháp lệnh chấp dứt các văn bản phân tán liên quan đến quốc tịch bằng cách hệ thống hóa chúng. Pháp lệnh này đã làm đảo ngược một số hạn chế hồi trước chiến tranh về quốc tịch và mở rộng cho các trường hợp được cấp quốc tịch (cho các trẻ em sinh ra ở nước ngoài từ một bà mẹ người Pháp và người nước ngoài kết hôn với người Pháp)

Pháp lệnh này đã được xem xét nhiều lần, tuy nhiên sự thống nhất của luật được thực hiện vào ngày 9/1/1973 khi nó trở thành một phần của Bộ Luật dân sự sau khi sửa đổi các điều khoản 50 và 60 liên quan đến quyền hạn của cha mẹ, chế độ tài sản, hôn nhân và các hệ quả về tài sản đối với các vùng độc lập hoặc thuộc địa trước đây, và luật ngày 7/5/1964 cũng đã thắt chặt các điều khoản về xem xét cấp quốc tịch Pháp

Một cải cách quan trọng đã diễn ra với luật ngày 22/7/1993. Nó cho phép các quy định của Bộ luật về quốc tịch Pháp và các quy định khác liên quan trở thành một phần của Bộ luật dân sự. Về cơ bản không thay đổi các quy định về quốc tịch đối với các trường hợp có kết quả là sinh đẻ, nhưng nó mang lại một số thay đổi khá quan trọng đối với các trường hợp xin cấp quốc tịch Pháp, bằng cách bất cứ một người nào muốn có quốc tịch Pháp đều phải thể hiện bằng các hành động cá nhân.

Một số luật đã được thông qua nhằm thay đổi các điều kiện của việc xin cấp quốc tịch Pháp, bằng cách làm cho điều này trở nên dễ dàng hơn bằng cách phổ biến *jus soly* hay quyền khi sinh nở (luật ngày 16 tháng 3 năm 1998 đã hủy bỏ điều khoản liên quan đến ý chí để có quốc tịch pháp) hoặc đôi khi là thắt chặt: luật ngày 26/5/2003 đã làm một số trường hợp khó khăn hơn là muốn có quốc tịch Pháp thì phải chứng minh là mình đã hòa hợp với nước pháp, có một vốn ngôn ngữ đủ, các vấn đề về tình trạng cá nhân. Luật ngày 16/6/2011 thể hiện cần phải đáp ứng các yêu cầu hoặc là lựa chọn hay thể hiện.

Theo chương 29 của Bộ luật dân sự thì pháp luật nói chung có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến quốc tịch Pháp hoặc nước ngoài của cá nhân đó. Vấn đề về quốc tịch chỉ sơ bộ được xử lý bởi một tòa án hành chính hoặc tư pháp ngoại trừ tòa án hình sự có bồi thẩm đoàn hình sự.

QUẢN LÝ HỒ SƠ PHÁP LÝ (Lý lịch tư pháp)

Bộ Tư pháp Canada và Trung Quốc không có hoạt động trực tiếp nào liên quan tới lý lịch tư pháp. Còn Bộ Tư pháp của Pháp thì có chức năng này.

Ở Canada, chức năng này thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ An ninh công cộng và tình trạng khẩn cấp, nhưng Hội đồng ân xá quốc gia (mà sự tồn tại của nó duy trì bởi Điều 103 của Đạo luật Cải tạo và phòng thích có điều kiện¹⁰⁰) có "quyền hạn duy nhất để cấp hoặc

¹⁰⁰ S.C., 1992, c. 20.

từ chối cấp hoặc thu hồi sự tha thứ¹⁰¹". Hội đồng ân xá quốc gia được đứng đầu bởi một chủ tịch và một phó chủ tịch điều hành và bao gồm tối đa 45 thành viên chuyên trách và một số thành viên kiêm nhiệm, tất cả do chính phủ bổ nhiệm, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ An ninh công cộng và tình trạng khẩn cấp¹⁰². Bộ Tư pháp chỉ cung cấp dịch vụ pháp lý cho Hội đồng ân xá quốc gia và Bộ an toàn công đồng và tình trạng khẩn cấp, thông qua an ninh công đồng, Quốc phòng và danh mục xuất nhập cảnh¹⁰³.

Trung Quốc không có cơ quan trung ương phụ trách hồ sơ pháp lý; loại hồ sơ này được lưu giữ ở nhiều cơ quan nhau phụ trách các vấn đề cụ thể tại nơi lưu trữ đăng ký hộ khẩu. Do đó, hồ sơ kết hôn được các sở nội vụ lưu giữ ở nơi lưu trữ chứng từ đăng ký hộ khẩu có liên quan. Tương tự như vậy, hồ sơ hình sự sẽ được sở công an phụ trách lưu giữ.

Ở Pháp, Trung tâm dịch vụ về hồ sơ phạm tội (Trung tâm Thông tin tội phạm quốc gia ở Mỹ) đã được khánh thành bởi Người giữ con dấu, Robert Badinter, ở Nantes vào ngày 04 tháng một năm 1982. Tuy nhiên, các dịch vụ này có nguồn gốc lâu đời hơn nhiều. Vào những năm đầu 1808, các mã của tổ tụng hình sự đã tạo ra các hồ sơ hình sự đầu tiên được gọi là "sommiers", trong đó tập trung các câu truy vấn mà mỗi tòa án sử dụng để gửi tới Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp theo mỗi kỳ.

Năm 1972, việc tin học hóa các hồ sơ đã được Bộ Tư pháp thực hiện lần đầu tiên. Luật ngày 4 tháng 1 năm 1980 được giới thiệu bởi Người giữ con dấu, Alain Peyrefitte, đã xác định rằng các tập tin sẽ được lưu trữ bởi một văn phòng quốc gia dưới sự quản lý của Bộ Tư Pháp. Nó quyết định rằng các bản ghi có thể được thu thập dưới mọi hình thức từ các hồ sơ tội phạm của các tội phạm sinh ra ở Pháp và việc xử lý các dữ liệu sẽ được thực hiện tự động.

Bộ phận Hồ sơ Tội phạm Quốc gia ("Casier judiciaire national" or CJN) được xây dựng vào ngày 4 tháng 2 năm 1982 nằm ở ngoại ô Nantes. Từ năm 1983 trở đi, nó bắt đầu thực hiện việc chuyển đổi và cập nhật các hồ sơ bằng tay tại các vùng miền trung nước Pháp.

Bắt đầu từ năm 1994, văn phòng (CJN) đã trở thành một văn phòng có một tài phán quốc gia, bao gồm bốn đơn vị thuộc thẩm quyền trực tiếp của người đứng đầu của Ủy ban Nội vụ tội phạm hình sự tại Pardon (vào ngày 20 tháng 7).

Trong suốt thời kỳ đầu tiên của năm 1996, khi việc chuyển chuyển giao hoàn tất, các bản ghi công dân được mở rộng thực hiện cho "départements d'Outre-mer" (Văn phòng hành chính của Pháp ở nước ngoài). Kể từ năm 2000 CJN đã tập trung vào việc tăng giao tiếp và trao đổi với các tổ chức công cộng và các văn phòng nội bộ.

¹⁰¹ Luật Hồ sơ tội phạm, xem chú ý 126, điều 2.1

¹⁰² Luật Cải tạo và phóng thích có điều kiện, xem chú ý 127, các điều 103 và 104

¹⁰³ Xem phần 1.3.1.2 phía trên (Danh mục dịch vụ pháp lý)

Được dẫn dắt bởi "Magistrat" (thành viên của tòa án) thuộc thẩm quyền và kiểm soát của Giám đốc của Vụ Hình sự và ân xá, nó có khoảng 270 thành viên, với 2/3 người trong số họ thực hiện việc nhập và xử lý dữ liệu trên máy tính

CJN lưu trữ và quản lý các bản án hình sự đã được thông qua đối với các cá nhân hoặc các pháp nhân. Nó cũng lưu trữ các quyết định về thương mại, dân sự hoặc hành chính trong việc thực hiện một số quyền như các lệnh trục xuất đối với người nước ngoài. Nó cung cấp thông tin qua các báo cáo và lọc (các tuyên bố đầy đủ và lọc các phần 1,2,3 tương ứng với các phần dài hơn và ngắn hơn cho mỗi bản ghi). Tuy nhiên nó không có thẩm quyền đối với người nước ngoài hoặc những người sinh ra trên lãnh thổ nước ngoài.

QUẢN LÝ LUẬT SƯ

Ở Canada, chức năng quản lý luật sư nằm dưới thẩm quyền của các bang. Các nguồn luật liên quan đó là Luật tôn trọng Barreau du Québec (Quebec Bar Act)¹⁰⁴ và Bộ luật về nghề nghiệp¹⁰⁵ ở bang Quebec, và luật Hội Luật gia¹⁰⁶ ở bang Ontario.

Ở Ontario, Hội Luật Upper Canada thực hiện chức năng này. Hội này là một tổ chức không có cổ phần. Thủ Quỹ là chủ tịch và là người đứng đầu của Hội. Các công việc và chức năng của Hội được quản lý bởi Giám đốc điều hành của nó, nhưng các công việc của Hội được điều hành bởi các Hội viên¹⁰⁷. Ở bang Quebec, Hội luật sư được điều hành bởi Đại hội đồng của Barreau Québec. *Bâtonnier* của tỉnh Québec là chủ tịch của hội luật sư và có sự giám sát chung các công việc của hội. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm quản lý và hoạt động của hội¹⁰⁸.

Vai trò của Bộ Tổng Chương lý Ontario và Bộ Tư pháp Quebec cơ bản là giám sát việc áp dụng pháp luật tương ứng với quản lý Hội Luật Upper Canada và Barreau du Québec, và đề xuất sửa đổi các luật theo thời gian.

Còn ở **Trung Quốc**, khi Bộ Tư pháp được thành lập năm 1949, cơ quan này đã có trách nhiệm quản lý luật sư ở Trung Quốc và mặc dù đã có một số cải cách theo hướng mở rộng hoặc thu hẹp, trách nhiệm này tồn tại cho đến tận ngày nay.

Việc tái lập hệ thống luật sư bắt đầu vào năm 1980, khi Quy chế tạm thời về Luật sư được ban hành.¹⁰⁹ Theo Quy chế tạm thời năm 1980, luật sư được xác định là "những nhân

¹⁰⁴ R.S.Q., c. B-1.

¹⁰⁵ R.S.Q., c. C-26.

¹⁰⁶ R.S.O., 1990, c. L.8.

¹⁰⁷ Như trên, điều 2 đến 10

¹⁰⁸ *An Act respecting the Barreau du Québec*, see note 131 *supra*, ss. 10, 11 and 24.

¹⁰⁹ Thông qua ngày 26-8-1980. Những quy chế này đã bị bãi bỏ và được thay thế bằng Luật Luật sư, được thông qua vào ngày 15-5-1996, có hiệu lực từ ngày 1-1-1997 và được sửa đổi vào các năm 2001 và 2007.

viên pháp lý của Nhà nước”,¹¹⁰ chịu sự quản lý của Bộ Tư pháp. Dĩ nhiên, các công ty luật sẽ là các cơ quan hành chính nhà nước, chịu sự quản lý của các sở tư pháp.

Trải qua một số cuộc cải cách, đến năm 1996, Luật Luật sư mới được ban hành,¹¹¹ với nội dung hợp nhất tất cả các cuộc cải cách đã được thực hiện trong các thập niên 80 và 90, từ đó thay đổi bản chất của nghề luật sư ở Trung Quốc. Những cải cách này đã thay đổi hoàn toàn tình trạng nghề luật sư ở Trung Quốc, và quan trọng hơn, các công ty luật nhà nước không còn giữ vị thế độc tôn như trước. Có 3 loại hình chính của công ty luật cùng tồn tại là: vốn Nhà nước¹¹², hợp tác¹¹³ và quan hệ đối tác¹¹⁴. Một hình công ty Luật mới, công ty luật một thành viên, cũng được giới thiệu trong lần sửa đổi Luật Luật sư năm 2007. Thực tế, ngay cả phần lớn các công ty vốn nhà nước cũng tự trang trải chủ yếu thông qua các khoản phí dịch vụ pháp lý¹¹⁵, và các công ty luật có quan hệ đối tác hiện chiếm 70% tổng số công ty luật ở Trung Quốc.¹¹⁶

Về cơ bản, việc quản lý hoạt động luật sư được phân tán cho cả Hội luật sư toàn Trung Quốc và Bộ Tư pháp. Năm 1986, Hội Luật sư toàn Trung Quốc được thành lập tại Bắc Kinh và kể từ đó, những hội luật sư khác được thành lập tại các tỉnh tự trị, dưới sự quản lý trực tiếp cấp thành phố. Những thành phố có nhiều quận/huyện cũng có thể thành lập hội luật sư nếu cần. Tuy nhiên, không giống những hiệp hội luật pháp hay tòa án ở phương Tây, hội luật sư ở Trung Quốc không kiểm soát việc tiếp nhận luật sư hành nghề, và hội luật sư ở Trung Quốc chịu sự giám sát và quản lý của Bộ Tư pháp và sở tư pháp (Điều 4 của Luật Luật sư).

Có thể tổng kết các chức năng cơ bản của hội luật sư như sau:

- (i) bảo vệ quyền hành nghề và bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư;
- (ii) hình thành những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp cũng như các quy định về hình thức kỷ luật, hình thức phạt, và giải quyết các khiếu nại đối với luật sư
- (iii) hướng dẫn nghiệp vụ luật sư, bao gồm việc tổng kết và trao đổi kinh nghiệm làm việc giữa các luật sư, tổ chức các buổi tập huấn chuyên nghiệp cho luật sư, và khuyến khích luật sư thúc đẩy việc giao lưu, trao đổi đối ngoại

¹¹⁰ Điều 1 của Quy chế tạm thời năm 1980.

¹¹¹ Luật được thông qua vào ngày 15-5-1996 và có hiệu lực từ ngày 1-1-1997. Luật được sửa đổi 29-12-2001 và 28-10-2007. Luật sửa đổi năm 2007 có hiệu lực từ ngày 1-6-2008

¹¹² Mặc dù được thành lập với vốn đầu tư Nhà nước, các công ty này vẫn phải chịu trách nhiệm cân bằng sổ sách và chịu trách nhiệm pháp lý với các khoản nợ trong phạm vi toàn bộ tài sản của mình.

¹¹³ Loại hình này được cấp phép 1988 và các công ty dạng này được thành viên của công ty, những người chịu trách nhiệm quản lý, tự nguyện thành lập. Các thành viên sẽ đóng góp tài sản cho công ty. Công ty sẽ tự cân bằng sổ sách và tự chịu trách nhiệm đối với lợi nhuận và thua lỗ của mình.

¹¹⁴ Loại hình công ty luật được cấp phép vào năm 1993 trên cơ sở thử nghiệm. Toàn bộ tài sản của công ty sẽ do các đối tác đóng góp và thuộc về công ty. Các đối tác trong mỗi quan hệ đối tác trên sẽ có một vài trách nhiệm pháp lý không giới hạn.

¹¹⁵ Xem kỹ hơn trong cuốn Hướng dẫn Luật kinh doanh Trung Quốc, bản có thể tháo rời từng trang, Singapore: CCH Asia, trang 4 và trang 650

¹¹⁶ Xem Sách trắng về Dân chủ: Xây dựng nền Dân chủ chính trị ở Trung Quốc, được Văn phòng Thông tin Hội đồng Nhà nước ban hành tháng 10-2005, có trên trang web http://news.xinhuanet.com/politics/2005-10/19/content_3645697.htm (truy cập lần cuối vào ngày 26-9-2006)

(iv) giám sát và quản lý các công việc hành nghề của luật sư, bao gồm giáo dục, kiểm tra, giám sát các luật sư trong đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật hành nghề trong lĩnh vực pháp lý, hòa giải các tranh chấp phát sinh trong quá trình hành nghề luật, khen thưởng và xử phạt luật sư theo báo cáo của hiệp hội luật sư (Điều 46 của Luật Luật sư).

Trong khi vai trò của Bộ Tư pháp và các sở tư pháp có thể được xác định là giám sát và cung cấp các hướng dẫn cho các luật sư, công ty luật và các hiệp hội của pháp luật, chức năng thực tế của Bộ Tư pháp và các sở vượt quá phạm vi giám sát và hướng dẫn. Theo Luật Luật sư, Bộ Tư pháp và / hoặc các sở tư pháp thực hiện các chức năng và quyền hạn sau đây:

- (i) chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các kỳ sát hạch tư pháp quốc gia, là bài kiểm tra trình độ chuyên môn cho các luật sư, công chứng viên, thẩm phán và công tố viên
- (ii) chịu trách nhiệm cấp và hủy giấy phép hành nghề của luật sư
- (iii) kiểm tra và phê duyệt việc thành lập các công ty luật (bao gồm cả các công ty luật nước ngoài) và các chi nhánh của họ
- (iv) áp đặt hình phạt cho luật sư và các công ty luật
- (v) quy định phí hành nghề của các luật sư

Và trên hết, Bộ Tư pháp thực hiện quyền ban hành các quy tắc quy định nhằm quản lý luật sư và công tác hành nghề của họ. Rõ ràng, nghề luật sư ở Trung Quốc được kiểm soát rất chặt chẽ, và Bộ Tư pháp và / hoặc các sở tư pháp thực hiện một số quyền hạn phạm vi lớn trong nghề luật sư và công tác hành nghề luật sư.

Ở Pháp, việc giám sát được thực hiện bởi Bộ Tư pháp đối với nghề luật sư cũng như đối với tất cả các ngành nghề có liên quan đến tính pháp lý khác (bao gồm Hội đồng nhà nước và Hội đồng Tòa án giám đốc thẩm, luật sư tại các tòa án kháng cáo, bán đấu giá tư pháp, công chứng viên, chấp hành viên tại các tòa án thương mại, và các chuyên gia tư pháp) đều nằm trong sự kiểm soát của Vụ Dân sự và Con dấu.

Cơ quan chuyên trách là một cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo và theo dõi việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề tư pháp, pháp lý và thực thi pháp luật.

Do đó, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm xây dựng các văn bản liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, chế độ thực thi pháp luật của các cá nhân hay tổ chức hành nghề, đào tạo, bảo vệ trật tự xã hội và tính chuyên nghiệp trong trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó, các văn phòng còn phải chịu sự theo dõi của luật pháp quốc tế liên quan đến ngành nghề hoạt động của chúng. Thủ trưởng của văn phòng này có trách nhiệm tư vấn và giải thích các quy định, như các quy tắc hành xử đối với các tranh chấp và các vấn đề về quy định ngành nghề tư pháp và quy tắc đảm bảo tài chính của Bộ Tài chính, Kinh tế cũng như các Bộ Xã hội sẽ giám sát hoạt

động hành chính của các Quỹ về hưu cho luật sư (Caisse Nationale des barreaux français), nhân viên làm công tác công chứng (các chế độ phúc lợi xã hội và chế độ trợ cấp cho công chứng viên), cũng như các nhân viên khác (Caisse de retraite et de prévoyance des clercs et employés de notaires).

QUẢN LÝ CÔNG CHỨNG VÀ CHỨNG THỰC

Một lần nữa ở **Canada**, chức năng cơ bản của Bộ Tư pháp chỉ là giám sát việc áp dụng pháp luật tương ứng với quản lý các Công chứng viên và **Ordre professionnel des notaires của Québec** và đề xuất sửa đổi các luật theo thời gian.

Tại **Pháp**, Văn phòng Bộ trưởng và đạo đức nghiệp nghiệp của Vụ Dân sự và con dấu sẽ kiểm tra các hồ sơ và các đề nghị của các công chứng viên, xác định vị trí của văn phòng thuộc Bộ (sáng tạo, chuyển nhượng, xóa bỏ, sát nhập), giám sát việc theo dõi và đưa ra biện pháp kỷ luật đối với các cán bộ công cộng, xem xét việc khiếu nại đối với các bên liên quan, đồng thời cũng quy định mức hoa hồng được hưởng đối với các cán bộ công cộng, đồng thời cũng đề xuất các giải thưởng hoặc danh hiệu tương ứng.

Văn phòng chiến lược và kinh tế thực hiện các giao dịch trong các khía cạnh kinh tế trong việc thực hiện các quy định liên quan đến ngành nghề tư pháp và pháp luật bao gồm luật sư, các cán bộ công cộng hòa các văn phòng của Bộ. Theo đó, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tài chính của nghề này (bao gồm lệ phí, quản lý phí, quản lý bên thứ ba, kế toán, bồi thường) cùng với các Bộ có liên quan, nó cũng đề xuất các vấn đề về thuế áp dụng đối với nghề này, xác định nhu cầu, thu thập phân tích dữ liệu nhân hẩu học để thực hiện nghiên cứu về ngành nghề này.

Việc thành lập các văn phòng công chứng phải chịu sự giám sát của Bộ Tư pháp. Việc kiểm soát này nhằm thực hiện 3 mục tiêu: duy trì công lý công cộng, sự thay đổi của nhân khẩu học và tài khoản, các điều kiện kinh tế của nghề nghiệp nhằm tiến tới một dịch vụ chất lượng cao.

Sự giám sát của Bộ Tư pháp về tình trạng nghề nghiệp của công chứng viên chưa có các ý kiến nào phản bác.

Còn ở Trung Quốc, việc quản lý hoạt động công chứng cũng thuộc về Bộ Tư pháp với vai trò tương đối mờ nhạt, giống như quản lý hoạt động luật sư. Vai trò quan trọng hơn thuộc về Hiệp hội công chứng viên Trung Quốc.

